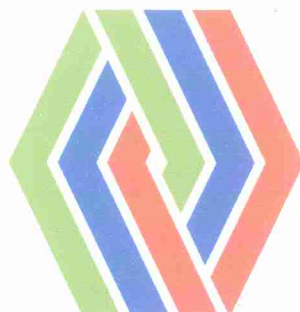


TỔNG CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO4



VNECO4

TÀI LIỆU HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Vinh, tháng 03 năm 2022

Số: 107 TB/VNECO4 - HĐQT

TP Vinh, ngày 24 tháng 03 năm 2022

GIẤY MỜI
THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Kính gửi quý cổ đông:
Địa chỉ liên hệ.....
Số CMND/Hộ chiếu/Giấy CNĐKDN.....

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO4 trân trọng kính mời Quý cổ đông dự họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2022.

Thời gian: 07h30 phút ngày 26 tháng 04 năm 2022

Địa điểm: Hội trường Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO4; Số 197- Đường Nguyễn Trường Tộ - Phường Đông Vinh - TP Vinh - Tỉnh Nghệ An.

Nội dung chương trình họp Đại hội:

- 1- Báo cáo kết quả SXKD năm 2021; Kế hoạch SXKD năm 2022;
- 2- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021.
- 3- Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán, phương án phân phối lợi nhuận và mức cổ tức năm 2021;
- 4- Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021.
- 5- Mức thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, BKS và Thư ký Công ty năm 2022.
- 6- Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2022 và kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty năm 2022;
- 7- Một số nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Tài liệu họp Đại hội: Công bố tại Website : vneco4.com.vn

Thành phần tham dự họp Đại hội:

- + Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty CP Xây dựng điện VNECO4 theo Danh sách chốt của Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam ngày 09/03/2022;
- + Trường hợp không thể tham dự họp ĐHĐCĐ, Quý cổ đông có thể ủy quyền cho người khác hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT, Trưởng ban kiểm soát và cá nhân có tên (có danh sách kèm theo) tham dự bằng văn bản. Người nhận ủy quyền không được ủy quyền cho người thứ ba.
- + Quý cổ đông hoặc người được ủy quyền khi tham dự họp ĐHĐCĐ cần mang theo Giấy mời; Giấy CMND/Hộ chiếu/GCNDKDN (*Bản gốc*); Giấy ủy quyền theo mẫu có đóng dấu đỏ của Công ty CPXD điện VNECO4 ở góc bên trái và giấy mời đính kèm (*Trong trường hợp ủy quyền*) để làm thủ tục xác nhận danh sách cổ đông dự họp;

Để tạo điều kiện cho công tác tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 đúng theo chương trình, đề nghị Quý cổ đông vui lòng xác nhận việc tham dự họp ĐHĐCĐ hoặc ủy quyền dự họp gửi về Công ty theo đường bưu điện hoặc Fax: (0238)3853433 hoặc gửi qua email: congtyve4@gmail.com hoặc địa chỉ: Công ty CP Xây dựng điện VNECO4 số 197 - Đường Nguyễn Trường Tộ - P.Đông Vinh -TP. Vinh - T.Nghệ An trước ngày 24 tháng 04 năm 2022.(*Gửi về Công ty trước 02 ngày Đại hội*)

Trân trọng kính mời!

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



TRẦN VĂN HUY



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO4

Địa chỉ: 197- Đường Nguyễn Trường Tộ - P. Đông Vĩnh - TP Vinh - Tỉnh Nghệ An
Điện thoại: 0238 3531.065; Fax: 02383 853.433; Website: vneco4.com.vn

GIẤY ĐĂNG KÝ

THAM DỰ/ỦY QUYỀN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Kính gửi : Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO4.

Họ tên cổ đông:

Họ tên người đại diện (cổ đông pháp nhân).....

Chức vụ tại tổ chức:.....

Số CMND/Hộ chiếu/GCNDKDN:cấp ngày: tại:

Địa chỉ thường trú:.....

Tổng số cổ phần sở hữu (*):.....cổ phần

Tôi xác nhận việc tham giữ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 của Công ty CP Xây dựng điện VNECO4, như sau:

1.Trực tiếp tham dự: ☐ (Vui lòng đánh dấu (X) vào ô)

2.Ủy quyền cho Ông/Bà có tên dưới đây:.....

Họ và tên:.....

Số CMND/Hộ chiếu/GĐKĐKDN.....Cấp ngày.....Tại.....

Hoặc ủy quyền: Một trong các thành viên HĐQT hoặc Trưởng Ban kiểm soát (Vui lòng đánh dấu (x) vào Thành viên mà Quý cổ đông ủy quyền):

Ông Trần Văn Huy, Chủ tịch HĐQT ☐ Ông Nguyễn Ngọc Ân, TV HĐQT ☐

Ông Hồ Hữu Phước, TV HĐQT ☐ Ông Nguyễn Văn Bốn, TV HĐQT ☐

Ông Nguyễn Thế Tam, TV HĐQT ☐ Ông Nguyễn Thế Hùng, Trưởng Ban KS ☐

+ Bên nhận ủy quyền đại diện cho bên ủy quyền tham dự, biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 của Công ty CP Xây dựng điện VNECO4, với tư cách là đại diện cho tất cả các cổ phần mà tôi/chúng tôi đang sở hữu.

+ Tôi/chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết thực hiện đúng quy định tại Điều lệ Công ty CP Xây dựng điện VNECO4 và quy định hiện hành của Pháp luật.

....., ngày thángnăm 2022

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (*) Số lượng cổ phần sở hữu của Cổ đông có tên trong Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán, tại ngày đăng ký cuối cùng ngày 09 tháng 03 năm 2022 theo thông báo của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt nam
- Mỗi cổ đông chỉ được ủy quyền cho 01 người.
- Người ủy quyền và người được ủy quyền nếu là đại diện cho Tổ chức thì: ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu.



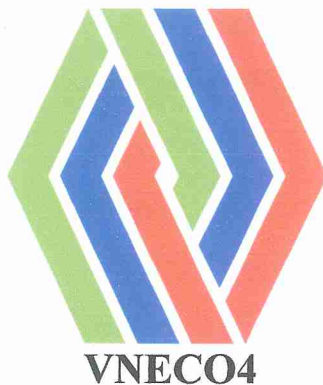
CHƯƠNG TRÌNH

HỌP ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Thời gian khai mạc vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 26 tháng 04 năm 2022

TT	Nội dung
1	Tuyên bố lý do, báo cáo số lượng cổ đông và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự họp ĐHĐCĐ, giới thiệu đại biểu và chủ tọa;
2	Thông qua chương trình họp: Giới thiệu Thư ký; bầu ban kiểm phiếu;
3	Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2021; Kế hoạch SXKD năm 2022;
4	Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2021; Phương hướng năm 2022;
5	Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán, phương án phân phối lợi nhuận và mức cổ tức năm 2021;
6	Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2021.
7	-Tờ trình về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2022 và Báo cáo tài chính Công ty năm 2022; - Tờ trình về mức thù lao HĐQT, BKS và Thư ký Công ty năm 2022; - Tờ trình phát hành cổ phiếu tăng vốn Điều lệ và phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ; - Tờ trình bổ sung và sửa đổi Điều lệ;
8	Thảo luận thông qua các báo cáo, nội dung của các tờ trình và biểu quyết
9	Bầu cử Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát giữa nhiệm kỳ theo đề nghị của nhóm cổ đông lớn: 9.1- Xin ý kiến ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua về việc tờ trình đề xuất của nhóm cổ đông; 9.2- Bầu bổ sung TV HĐQT, BKS nếu mục 9.1 được thông qua;
10	Thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022;
11	Bế mạc cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022;

TỔNG CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO4



BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2021
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2022

Vinh, tháng 03 năm 2022

PHẦN THỨ NHẤT

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH NĂM 2021

I. Đặc điểm chung

Kính thưa quý vị đại biểu. Năm 2021 là một năm đầy khó khăn thách thức:

- Cả đất nước chúng ta phải gồng mình chống chọi với đại dịch CPVID-19 bùng phát hết sức phức tạp, lần lượt các địa phương triển khai thực hiện từ chỉ thị 15 đến chỉ thị 16 và chỉ thị 16+ của Thủ tướng chính phủ (ai ở đâu ở yên đó, nói cách khác là thực hiện phương án ngăn đường, cấm chợ). Dẫn đến công tác tổ chức SXKD của đơn vị nói riêng và của toàn xã hội nói chung ảnh hưởng và thiệt hại nặng nề.

- Về năng lực đấu thầu tìm kiếm việc làm: Đến đầu năm 2021 mặc dù Công ty đã tuyển dụng được một số cán bộ kỹ sư điện và kỹ sư xây dựng nhưng đều mới ra trường chưa có kinh nghiệm và chưa đủ thời gian kinh nghiệm để cấp chứng chỉ giám sát, các công trình kinh nghiệm chưa đáp ứng yêu cầu của các chủ đầu tư, năm 2021 công ty đã đấu thầu và thắng thầu một số dự án có giá trị về pháp lý độc lập đối với công trình có giá trị lớn nhất là 15 tỷ tạo nên nền tảng cho công tác đấu thầu tiếp theo để tham gia đấu thầu cho các dự án có giá trị lớn hơn 15 tỷ.

- Về khó khăn chung của ngành xây lắp điện các dự án đầu tư xây dựng mới các công trình điện không nhiều; hoặc có thì điều kiện, yêu cầu quá cao so với năng lực của các doanh nghiệp xây dựng vừa và nhỏ làm cho các nhà thầu thiếu việc làm trầm trọng, công tác đấu thầu có tính cạnh tranh gay gắt và đặc biệt về đơn giá, định mức ngành điện đã thay đổi theo chế độ đơn giá thấp trái ngược với nhu cầu thu nhập của người lao động đòi hỏi ngày càng cao.

Trước những khó khăn thách thức nêu trên tập thể Ban điều hành công ty Cổ phần xây dựng điện VNECO4 đã đoàn kết một lòng, vạch ra đường lối hoạch định chiến lược cấp bách đồng thời triển khai ngay nhiệm vụ chiến lược đã không ngại khó, ngại khổ, cho dù thách thức khó khăn đến đâu, Ban lãnh đạo công ty đã đi sâu, đi sát để tiếp cận các thị trường ngành xây lắp điện không ngoài mục đích tìm kiếm đủ việc làm theo chiều hướng phát triển không ngừng và cuối cùng đã dành được những thắng lợi to lớn đáng khích lệ.

Đặc biệt năm 2021, Công ty đạt được các chỉ tiêu sau:

1. Về công tác đấu thầu tìm kiếm việc làm: Trúng thầu 12 gói thầu với tổng giá trị: 65.494.101.765 đồng, cụ thể các gói thầu sau đây:

- ĐZ 110kV lộ 171 E18.9 Cẩm Xuyên - 171 E18.3 Kỳ Anh; ĐZ 110kV lộ 176T500 Hà Tĩnh - 172 E18.9 Cẩm Xuyên, với giá trị: 3.302.964.079 đồng.

- Gói 11SCL2021 DCL TBA 220kV Đô Lương với giá trị: 790.171.688 đồng

- Gói thầu số 10 SCL2021 TTĐNA: Sửa chữa, thay thế DCL các ngăn lộ 110kV và 220kV - TBA220kV Vinh với giá trị: 814.683.919 đồng.

- Gói 11 SCL2021. Thi công xây dựng và lắp đặt các công trình SCL 2021 tại Trạm biến áp 500kV - Truyền tải điện Hà Tĩnh quản lý với giá trị: 764.071.837 đồng.

- Dự án: Sửa chữa khắc phục khiếm khuyết TBA 110kV Can Lộc; Sửa chữa khắc phục khiếm khuyết các TBA 110kV Hương Sơn, Hương Khê với giá trị: 3.407.687.776 đồng.

- Gói thầu số 06: Xây lắp trạm biến áp 110kV Diễn Phong và nhánh rẽ với giá trị: 22.442.273.383 đồng.

- Dự án: Xuất tuyến ĐZ 110kV sau TBA 220kV Nghĩa Lộ với giá trị: 6.501.342.365 đồng.

- Gói 06 TC.SCL2022: Cung cấp VTTB và thi công công trình: Sửa chữa, thay dây dẫn, cách điện và phụ kiện khoảng néo 82-84; 84-106 đường dây 220kV Hà Tĩnh - Formosa (274T500HT - 273A18.15FMS), với giá trị: 5.212.278.666 đồng.

- Gói thầu số 07: Xây lắp đường dây và TBA 110kV. Dự án: Trạm biến áp 110kV Cao Lộc và nhánh rẽ, với giá trị: 10.672.448.886 đồng

- Dự án: Lắp MBA T3 TBA 110kV Quang Châu, tỉnh Bắc Giang, với giá trị: 4.835.646.867 đồng

- Công trình: Đường dây 110kV lộ 171T500 Hà Tĩnh - 171E18.8 Hương Khê, với giá trị: 4.866.204.748 đồng.

- Gói thầu số 3: PCHT SCL2022-05 SCL đường dây trung thế - dự án: SCL ĐZ 35kV các NR Đức Giang, Đức Long 1, Đức Lập 3, TBA Cẩm Trang thuộc ĐZ 371E18.2, với giá trị 1.884.327.551 đồng.

2. Về công tác khai thác mặt bằng: Đến nay công ty đã cho thuê hết diện tích mặt bằng và khai thác kinh doanh doanh sân bóng mini và nhà thi đấu cầu lông và các ký ốt cho thuê.

II. Tình hình sản xuất kinh doanh

A. Một số kết quả đạt được trong năm 2021:

1. Tổ chức thi công các công trình điện:

- Khối lượng công việc chuyển tiếp từ năm 2020 sang 60,94 tỷ.

- Năm 2021 Công ty triển khai thi công hoàn thành đóng điện bàn giao 18 công trình với giá trị 101,5 tỷ, cụ thể như sau:

- Gói thầu 21TC.SCL2020: Thi công các công trình Xử lý chống dây dẫn văng lác các đường dây 500kV, với giá trị: 9.004.368.163 đồng.

- ĐZ 110kV Cửa Lò - Quỳnh Lưu - Diễn Châu - Hưng Đông (treo dây mạch 2 với giá trị: 2.965.705.532 đồng.

- ĐZ 500kV Nghi Sơn 2, với giá trị: 4.604.196.401 đồng

- ĐZ 35kV NMĐG Phong liệu, với giá trị: 43.330.420.393 đồng.

- ĐZ 110kV Hà Đông - Sơn Tây (Xây lắp) , với giá trị: 11.617.678.191 đồng.

- ĐZ 110kV Nam Định - Mỹ Lộc - Lý Nhân, với giá trị: 1.867.244.412 đồng.

- Gói 02- Cung đoạn ĐZ 500kV Nho Quan - Hà Tĩnh, với giá trị: 1.048.512.300 đồng.

- ĐZ và TBA 110kV Liễu Đề, với giá trị: 664.846.650 đồng.

- ĐZ 110kV lộ 171 E18.9 Cẩm Xuyên - 171 E18.3 Kỳ Anh; ĐZ 110kV lộ 176T500 Hà Tĩnh - 172 E18.9 Cẩm Xuyên, với giá trị: 3.302.964.079 đồng.

- Gói thầu 11SCL2021/TTĐNA: Sửa chữa dao cách ly các ngăn lộ 110kV và 220kV
- TBA 220kV Đô Lương, với giá trị: 790.171.688 đồng.
- Gói thầu 10SCL2021/TTĐNA: Sửa chữa dao cách ly các ngăn lộ 110kV và 220kV
- TBA 220kV Vinh, với giá trị: 814.683.919 đồng.
- Gói thầu số 06: Thi công xây lắp

Dự án: Lắp MBA T3 TBA 110kV Quang Châu, tỉnh Bắc Giang, với giá trị: 4.938.722.713 đồng.

- Nâng khả năng tải đường dây 220kV Hòa Bình - Chèm, Hà Đông - Chèm, với giá trị: 528.000.000 đồng.

- Công trình: Cải tạo ĐZ 110kV mạch kép nhánh rẽ TBA 110kV Liên Trì, với giá trị: 1.657.625.733 đồng.

- Gói 2: Xây lắp đường dây 110kV- Dự án: Đường dây 110kV từ TBA 220kV Lưu Xá – TBA 110kV Gang Thép, với giá trị: 12.486.957.269 đồng.

- Dự án : Thay dây chống sét thứ 2 trên ĐZ 500kV Bắc nam - Mạch 1 bằng dây chống sét có kết hợp cáp quang OPGW - Cung đoạn ĐZ 500kV Thường Tín - Nho Quan, với giá trị: 381.067.500 đồng.

- Công trình: Thay dây chống sét thứ 2 trên đường dây 500kV mạch 1 bằng dây chống sét kết hợp cáp quang. Hạng mục: Thay dây Cáp quang kết hợp chống sét đường dây 500kV Hà Tĩnh - Vũng Áng - Đà Nẵng - Thạnh Mỹ - Pleiku, với giá trị: 316.910.000 đồng.

- Gói thầu số 2: Thi công hạng mục thay thế dây chống sét TK và cột BTLT trên đường dây 171E15.30 TBA 220kV Quỳnh Lưu – 171E15.2 TBA 110kV Nghĩa Đàn. với giá trị: 1.177.000.000 đồng

2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế trong năm 2021.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	So sánh TH 2021/KH 2021(%)
1	2	3	4	5	6=5/4
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Tỷ. đ	102,48	76,370	74,52
	Xây lắp	Tỷ. đ	100,86	74,848	74,21
	Sản xuất công nghiệp	Tr. đ			
	Doanh thu kinh doanh khác	Tỷ. đ	1,620	1,523	93,997
2	Nộp ngân sách	Tỷ. đ	3,562	2,276	63,91
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ. đ	1,623	0,898	55,36
a	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / vốn điều lệ	%	7,89	8,74	110,72
b	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/DT và thu nhập	%	1,58	1,18	74,29
4	Thu nhập BQ đ/người/tháng	đ/ng/th	9.600.000	11.806.000	122,98
5	Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ (dự kiến)	%	8%	7%	87,50

B. Đánh giá các mặt công tác điều hành :

Nhìn chung năm 2021, Công ty đã vượt qua khó khăn, công tác quản lý điều hành đã có nhiều đổi mới, đã đóng điện được nhiều công trình theo tiến độ yêu cầu của chủ đầu tư và đặc biệt về công tác đấu thầu tìm kiếm việc làm đạt được kết quả thắng thầu nhiều công trình có giá trị lớn tạo nền tảng củng cố dần về năng lực kinh nghiệm phục vụ cho công tác đấu thầu tìm kiếm việc làm có xu thế phát triển tốt.

1. Công tác thị trường, tìm kiếm việc làm:

Năm 2021 Công ty đã tham gia vào thị trường Công ty Truyền tải điện 1 tham gia đấu thầu các dự án sửa chữa lớn năm 2021, Ban QLDA lưới điện, Ban QLDA phát triển điện lực, Ban quản lý dự án xây dựng điện miền Bắc, Công ty Điện lực Hà Tĩnh, Công ty truyền tải điện Nghệ An, Công ty Truyền tải điện Hà Tĩnh và Trúng thầu 12 gói thầu với giá trị: 65.494.101.765 đồng theo các số liệu cụ thể nêu trên.

2. Công tác kỹ thuật, an toàn lao động trong thi công:

- Năm 2021 Công ty đã tổ chức học tập, thi sát hạch kỹ thuật an toàn bảo hộ lao động, khám sức khỏe định kỳ và tổ chức học tập sát hạch kiểm tra kiến thức để cấp thẻ an toàn và thẻ treo cao cho toàn thể người lao động tham gia trên các công trình. Công nhân Công ty làm việc được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động.

3. Công tác lập hồ sơ kỹ thuật, nghiệm thu công trình:

Nhờ sự phối hợp nhịp nhàng giữa các phòng ban nên đã hoàn thành cơ bản về công tác nghiệm thu phục vụ cho công tác lên phiếu giá và thu hồi vốn.

4. Công tác tổ chức, lao động và tiền lương:

Công ty đã tiếp tục thực hiện cơ chế giao khoán tiền lương, đồng thời với việc giao nhiệm vụ kế hoạch cho các tổ xây lắp. Việc thanh toán và trả tiền lương được thực hiện đầy đủ, kịp thời đúng quy định.

5. Công tác tài chính- kế toán.

- Công tác thanh toán vốn: Trong năm 2021 công tác thu vốn do ảnh hưởng lớn về đại dịch COVID-19 và thiên tai bão lụt nên sản lượng, doanh thu trong 9 tháng đầu năm hầu như bị tê liệt chỉ đạt được hơn 49 tỷ đồng và tập trung dồn vào cuối năm nên việc triển khai nghiệm thu lên phiếu giá thu hồi vốn cuối năm cũng bị động hầu hết chốt giá trị doanh thu năm còn đang phải hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu chất lượng kỹ thuật, phải quyết liệt để giải quyết tiền về trước Tết nguyên đán.

- Công tác báo cáo, và thực hiện nộp ngân sách nhà nước và BHXH: Công ty đã tổ chức tốt công tác quản lý tài chính, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước trong việc nộp các loại thuế, các loại bảo hiểm, chấp hành nghiêm túc chế độ hạch toán kế toán, thực hiện tốt Báo cáo tài chính, thống kê theo luật định. Báo cáo tài chính, báo cáo thống kê được lập, gửi và công bố thông tin đầy đủ kịp thời cho các cơ quan chức năng và trên thị trường chứng khoán.

III. Một số tồn tại:

1. Công tác quản lý kế hoạch : Tình trạng báo cáo chưa kịp thời, chưa đầy đủ, chính xác của một số tổ phần nào ảnh hưởng đến việc chỉ đạo, điều hành SXKD và giao khoán triển khai còn chậm.

2. Công tác lập và quản lý hồ sơ nghiệm thu kỹ thuật : Chưa đáp ứng yêu cầu của chủ đầu tư và kế hoạch của Công ty cần phải đôn đốc, kiểm tra giám sát cán bộ kỹ thuật nghiệp vụ được giao phụ trách lập và quản lý hồ sơ.

3. **Công tác quản lý an toàn trong thi công:** Một số cá nhân đã thực hiện chưa tốt để xảy ra một số vụ tai nạn nhỏ làm ảnh hưởng đến sức khỏe cá nhân, làm tổn thất tài chính và mất điểm thi đua cho đơn vị, việc này cần phải nghiêm túc hơn nữa để giảm thiểu về rủi ro tai nạn không đáng tiếc trong năm tới và các năm tiếp theo.

4. **Công tác kế toán tài chính :** Cần phải tập trung đi sâu, đi sát để bám sát với kế hoạch vốn của các chủ đầu tư nhằm thanh toán vốn kịp thời từ đó đáp ứng hơn nữa vốn lưu động phục vụ SXKD.

5. **Công tác tổ chức sản xuất :** Chưa thực sự chỉ đạo quyết liệt làm ảnh hưởng tiến độ thi công một số công trình.

6. **Công tác quản lý vật tư :** Cần quan tâm làm tốt hơn nữa trong công tác quản lý vật tư thu hồi từ công trình cải tạo sửa chữa lớn.

7. **Công tác quản lý xe máy thi công:** Cần phải nghiêm túc thực hiện theo nhật trình xe máy áp dụng theo định mức nhiên liệu qui định và chế độ bảo quản, bảo dưỡng, sửa chữa xe máy.

PHẦN THỨ II

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH NĂM 2022

A. Đặc điểm tình hình:

1. Thuận lợi:

- Khối lượng chuyển tiếp từ cuối năm 2021 với tổng giá trị: 65.035.600.498 đồng gồm các dự án: Sửa chữa khắc phục khiếm khuyết TBA 110kV Can Lộc; Sửa chữa khắc phục khiếm khuyết các TBA 110kV Hương Sơn, Hương Khê, Gói thầu số 06: Xây lắp trạm biến áp 110kV Diễn Phong và nhánh rẽ ; Dự án: Xuất tuyến ĐZ 110kV sau TBA 220kV Nghĩa Lộ; Gói 06 TC.SCL2022: Cung cấp VTTB và thi công công trình: Sửa chữa, thay dây dẫn, cách điện và phụ kiện khoảng néo 82-84; 84-106 đường dây 220kV Hà Tĩnh - Formosa (274T500HT - 273A18.15FMS), Gói thầu số 07: Xây lắp đường dây và TBA 110kV. Dự án: Trạm biến áp 110kV Cao Lộc và nhánh rẽ, Công trình: Đường dây 110kV lộ 171T500 Hà Tĩnh - 171E18.8 Hương Khê, Gói thầu số 3: PCHT SCL2022-05 SCL đường dây trung thế dự án: SCL ĐZ 35kV các NR Đức Giang, Đức Long 1, Đức Lập 3, TBA Cẩm Trang thuộc ĐZ 371E18.2, Gói thầu số 04: Thi công xây lắp trạm biến áp 110kV và nhánh rẽ Lào Cai 2;

- Công ty là một trong những đơn vị có năng lực về nhân lực lao động lành nghề và có đội ngũ quản lý nghiệp vụ đảm bảo đáp ứng yêu cầu của chủ đầu tư.

- Đã tiếp cận được các chủ đầu tư có các dự án vừa và nhỏ phù hợp với năng lực đấu thầu cạnh tranh của đơn vị cụ thể tại Công ty Truyền tải điện 1, Ban QLDA lưới điện, Ban QLDA phát triển điện lực, Ban quản lý dự án xây dựng điện miền Bắc, Công ty Điện lực Hà Tĩnh, Công ty truyền tải điện Nghệ An, Công ty Truyền tải điện Hà Tĩnh...

2. Khó khăn :

- Năm 2022 còn khó khăn về thị trường việc làm, tại các chủ đầu tư số dự án nhỏ và vừa phù hợp với năng lực đấu thầu của đơn vị không nhiều, chế độ đơn giá, định mức giảm

thấp, vướng mắc về đền bù càng ngày càng phức tạp trái ngược với nhu cầu thu nhập của người lao động càng ngày càng đòi hỏi cao nên dẫn đến điều hành tổ chức thi công quá khó khăn và hiệu quả kinh tế không cao và đặc biệt đại dịch COVID-19 đang diễn biến phức tạp khó lường.

- Hiện tại năng lực đấu thầu của công ty đã có sự cải thiện dần, nhưng cần phải quan tâm nhiều hơn nữa về công tác cấp chứng chỉ hành nghề của doanh nghiệp lên hạng I và tuyển dụng nhân sự và đặc biệt là đối với lực lượng kỹ sư điện và kỹ sư xây dựng có đầy đủ chứng chỉ, kinh nghiệm để đáp ứng yêu cầu của chủ đầu tư để tham gia đấu thầu tìm kiếm việc làm.

- Về nhân sự đối với cán bộ kỹ thuật có đầy đủ chứng chỉ đáp ứng yêu cầu của chủ đầu tư. Hiện tại Công ty chưa đủ số lượng hoặc có cũng là các đồng chí mới ra trường chưa đủ thời gian để cấp chứng chỉ, lý do mức thu nhập và điều kiện làm việc nay đây, mai đó chưa đảm bảo theo yêu cầu cho kỹ sư nên khó khăn cho công tác tuyển dụng và giữ nhân lực.

- Về ngành nghề kinh doanh của công ty là độc canh, chỉ duy nhất là lĩnh vực xây lắp điện nên khi khó khăn sẽ bị động.

B. Những chỉ tiêu chủ yếu của năm 2022.

Năm 2022 Công ty phấn đấu đạt các chỉ tiêu sau:

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Thực hiện 2021	KH năm 2022	Tỷ lệ KH 2022/TH 2021 %	Ghi chú
1	2	3	4	5	6=5/4	7
1	Tổng doanh thu, thu nhập khác	Tỷ. đ	76,370	202,115	264,65	
	<i>Xây lắp</i>	<i>Tỷ. đ</i>	74,848	201,0	268,54	
	<i>Doanh thu SXCN</i>	<i>Tỷ. đ</i>				
	<i>Doanh thu kinh doanh khác</i>	<i>Tỷ. đ</i>	1,523	1,115	73,22	
2	Đầu tư phát triển	Tỷ. đ		2,95		
	<i>Vốn tự có</i>	<i>Tỷ. đ</i>		1		
	<i>Vốn khác</i>	<i>Tỷ. đ</i>		1,95		
3	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ. đ	2,276	5,375	236,12	
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ. đ	0,898	2.039	226,93	
a	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / vốn điều lệ	%	8,74	9,92	113,47	
b	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /DT và thu nhập	%	1,18	1,01	85,75	
5	Thu nhập bình quân đồng/người/ tháng	đ/ng/th	11.806.000	12.000.000	101,64	
6	Tỷ lệ cổ tức/ vốn điều lệ (dự kiến)	%	7	8	114,29	

C. Các biện pháp cụ thể:

Phát huy vai trò tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, gắn quyền lợi đi đôi với trách nhiệm và nghĩa vụ, coi trọng yếu tố con người, tiếp tục sắp xếp, bố trí đúng người, đúng việc và có chế độ đãi ngộ phù hợp, động viên khen thưởng kịp thời, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện một số cơ chế quản lý phù hợp với đặc điểm SXKD của Công ty.

1. Công tác quản lý Kinh tế - Kế hoạch:

a. Công tác chỉ đạo điều hành SXKD.

- + Tập trung chỉ đạo thi công hoàn thành đúng tiến độ các công trình:
- Gói thầu số 04: Thi công xây lắp trạm biến áp 110kV và nhánh rẽ Lào Cai 2 (hoàn thành kế hoạch còn lại theo tiến độ yêu cầu của chủ đầu tư)
- Gói thầu số 04: Xây lắp ĐZ 110kV và cải tạo TBA
Dự án: Xuất tuyến ĐZ 110kV sau TBA 220kV Nghĩa Lộ (hoàn thành theo kế hoạch bàn giao mặt bằng của bên A)
- Gói thầu số 06: Xây lắp TBA 110kV và nhánh rẽ
Dự án: Trạm biến áp 110kV Diễn Phong và nhánh rẽ (thi công hoàn thành 30/4/2022)
- Gói thầu số 1: Cung cấp VTTB và lắp đặt công trình: Sửa chữa khắc phục khiếm khuyết TBA 110kV Can Lộc; Sửa chữa khắc phục khiếm khuyết các TBA 110kV Hương Sơn, Hương Khê" (thi công hoàn thành 31/3/2022)
- Gói thầu số 1: Cung cấp VTTB và lắp đặt Công trình: Đường dây 110kV lộ 171T500 Hà Tĩnh - 171E18.8 Hương Khê" (thi công hoàn thành 28/2/2022)
- Gói thầu số 06TC.SCL2022: Cung cấp VTTB và thi công công trình: Sửa chữa, thay dây dẫn, cách điện và phụ kiện khoảng néo 82-84; 84-106 đường dây 220kV Hà Tĩnh - Formosa (274T500HT - 273A18.15FMS) (thi công hoàn thành 20/3/2022)
- Gói thầu số 07: Xây lắp đường dây và TBA 110kV Dự án: Trạm biến áp 110kV Cao Lộc và nhánh rẽ (thi công hoàn thành 30/4/2022)
- Gói thầu số 3: PCHT SCL2022-05 SCL đường dây trung thế dự án: SCL ĐZ 35kV các NR Đức Giang, Đức Long 1, Đức Lập 3, TBA Cẩm Trang thuộc ĐZ 371E18.2"(thi công hoàn thành 20/2/2022) .
- Gói thầu số 02XL-ĐZ220kv Nậm Mô: Xây lắp đường dây từ biên giới Lào đến điểm G8 – Dự án: Đường dây 220kv Nậm mô (Lào) – Trương Dương (đoạn trên lãnh thổ Việt Nam) (hoàn thành theo kế hoạch bàn giao mặt bằng của bên A).
- Gói thầu số 06XL-ĐZ220kv Hội Quảng - Nghĩa Lộ (hoàn thành theo kế hoạch bàn giao mặt bằng của bên A).
- Gói thầu số 14XL-ĐZ220kv Nậm Sung – Nông Công (hoàn thành theo kế hoạch bàn giao mặt bằng của bên A).
- + Triển khai tích cực thi công các công trình mới.

b, Công tác đầu tư xây dựng cơ bản:

- Mua sắm 1 xe ô tô bán tải, 1 xe tải bán gắn cầu tự hành, trang thiết bị, dụng cụ thi công phù hợp với nhu cầu hiện tại của đơn vị.

c. Công tác thị trường, đấu thầu, tìm kiếm việc làm.

Tiếp tục làm tốt công tác thị trường, đấu thầu, phân đấu để có đủ việc làm trong năm 2022, trực tiếp tham gia bằng hình thức quan hệ trực tiếp tại các chủ đầu tư nắm bắt thông tin, kế hoạch đấu thầu biết được nội dung yêu cầu của từng gói thầu đồng thời sử dụng năng lực của Tổng công ty (hoặc liên danh) để đấu thầu các dự án của ngành điện bao gồm các đường dây và Trạm biến áp từ 110kV đến 500kV đạt giá trị trên 50 tỷ/gói.

d. Công tác thanh, quyết toán:

Quan tâm công tác lập hồ sơ nghiệm thu kỹ thuật, nghiệm thu khối lượng hoàn thành giai đoạn, nghiệm thu hoàn thành bàn giao công trình. Đẩy mạnh công tác lập phiếu giá thanh toán các công trình đã có hồ sơ nghiệm thu và thanh quyết toán các công trình đã hoàn thành nhằm phục vụ công tác thu hồi vốn.

2. Công tác quản lý kỹ thuật và chất lượng công trình:

Tiếp tục duy trì và làm tốt công tác quản lý kỹ thuật và chất lượng công trình, tuyệt đối không để sai sót trong thi công phải phá đi làm lại. Nâng cao hơn nữa chất lượng lập hồ sơ nghiệm thu công trình, thực hiện việc thi công hoàn thành đến đâu tổ chức nghiệm thu đến đó, lập hồ sơ nghiệm thu, hoàn công công trình theo định hướng: Đúng, đủ, chính xác và kịp thời.

3. Công tác quản lý vật tư - xe máy:

- Nghiên cứu đầu tư trang thiết bị xe máy, dụng cụ thi công chuyên ngành xây lắp lưới điện hệ thống với quy mô và mức độ hợp lý để phục vụ sản xuất đảm bảo hiệu quả...
- Thực hiện đúng, đầy đủ theo nội dung qui chế quản lý xe máy đã được ban hành.
- Triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ cung ứng vật tư - thiết bị đầy đủ, đáp ứng kịp thời tiến độ thi công công trình trên tuyến và quyết toán vật tư các công trình thi công hoàn thành theo tiến độ quyết toán công trình.
- Tăng cường đưa công tác quản lý xe, máy vào nề nếp, nâng cao ý thức trách nhiệm của đội ngũ nhân viên lái xe, sử dụng vận hành máy thi công.
- Thực hiện việc tuyển dụng thêm công nhân có trình độ phù hợp và có tinh thần trách nhiệm cao để tham gia quản lý, vận hành thiết bị xe máy.

4. Công tác tài chính:

Tăng cường công tác quản lý tài chính theo đúng qui định nhà nước, Công ty, tích cực thu hồi vốn đáp ứng nhu cầu vốn SXKD.

5. Công tác tổ chức - lao động - tiền lương.

- Tuyển dụng thêm 2 kỹ sư xây dựng và 2 kỹ sư điện có đầy đủ chứng chỉ giám sát và chứng chỉ chỉ huy trường công trường để phục vụ cho công tác đấu thầu, tìm kiếm việc làm.
- Tiếp tục tuyển dụng lao động phù hợp đáp ứng nhu cầu SXKD của Công ty.
- Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ, nhân viên và người lao động. Lưu ý quan tâm mở các lớp học bồi dưỡng cho các đồng chí kỹ sư mới ra trường và thực hiện phương án người đi trước kèm cặp hướng dẫn đào tạo người đi sau...
- Thường xuyên duy trì chế độ đánh giá năng lực, chất lượng NLĐ theo định kỳ để có kế hoạch bố trí, sử dụng lao động hợp lý.
- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế tiền lương sao cho tiền lương, tiền công phản ánh đúng hiệu quả công tác của cán bộ, công nhân viên và người lao động.

Vinh, ngày 24 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021
KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2022

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của HĐQT quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty CP Xây dựng điện VNECO4.

Hội đồng quản trị xin báo cáo kết quả hoạt động năm 2021 và định hướng hoạt động năm 2022 như sau:

PHẦN I:
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021

I. Nhân sự trong HĐQT

Năm 2021 Hội đồng Quản trị Công ty CP Xây dựng điện VNECO4 gồm 05 thành viên với nhiệm kỳ 05 năm gồm:

- | | |
|-------------------------|-----------------|
| 1 - Ông Trần Văn Huy: | Chủ tịch HĐQT |
| 2 - Ông Hồ Hữu Phước: | Thành viên HĐQT |
| 3 - Ông Nguyễn Ngọc Ân: | Thành viên HĐQT |
| 4 - Ông Nguyễn Văn Bốn: | Thành viên HĐQT |
| 5 - Ông Nguyễn Thế Tam: | Thành viên HĐQT |

Trong 05 thành viên có 03 thành viên giữ các chức vụ quản lý tại Công ty, 02 thành viên độc lập không tham gia quản lý điều hành trực tiếp tại Công ty, trong 02 thành viên độc lập có 01 thành viên đại diện phần vốn của Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam với tỷ lệ 30% vốn điều lệ của Công ty CP Xây dựng điện VNECO4. Trong 03 thành viên giữ các chức vụ quản lý tại Công ty có 01 thành viên đại diện phần vốn của Tổng công ty CP Xây dựng điện Việt Nam với tỷ lệ 24,73% vốn điều lệ của Công ty CP Xây dựng điện VNECO4.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty CP Xây dựng điện VNECO4 và các quy định pháp luật liên quan, Hội đồng quản trị Công ty trân trọng báo cáo trước ĐHĐCĐ về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 như sau:

II. Tình hình hoạt động của HĐQT

Trong năm 2021, HĐQT hoạt động theo nguyên tắc tập thể đã chỉ đạo Ban Giám đốc điều hành các hoạt động SXKD ổn định tình hình sản xuất, thực hiện công tác quản lý Công ty theo đúng điều lệ Công ty và quy định của pháp luật. Năm 2021 HĐQT đã thực hiện được một số nội dung sau:

1. Tổ chức các cuộc họp định kỳ và đột xuất để xem xét, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị với sự tham gia dự họp của Ban Kiểm soát.
2. Thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định, tiếp nhận và xử lý kịp thời thông tin từ nhà đầu tư và các đơn vị hữu quan.
3. Tổ chức thực hiện thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2021,
4. Thực hiện các chức năng quản trị hoạt động Công ty theo đúng phạm vi quyền hạn, nhiệm vụ của HĐQT,

5. HĐQT cùng với Ban Kiểm soát phối hợp để kiểm tra giám sát tình hình thực hiện SXKD của Công ty để duy trì tính an toàn và đảm bảo hoạt động của doanh nghiệp theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

6. Kết quả giám sát với Giám đốc Công ty:

+ Giám đốc điều hành SXKD đảm bảo an toàn về tài chính và bảo toàn vốn, thực hiện hoàn thành nghĩa vụ Nhà nước đầy đủ, kịp thời, kinh doanh có lợi nhuận. Trong năm 2021 là năm gặp rất nhiều khó khăn bởi chịu ảnh hưởng của dịch COVID – 19, thi công thường xuyên bị phân tán, khối lượng công việc nhiều, Giám đốc đã chỉ đạo tích cực tìm kiếm được nhiều việc làm cho doanh nghiệp, có công việc làm gối đầu của 2021 chuyển sang năm 2022 trên 65 tỷ đồng..

+ Giám đốc thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của mình trong việc điều hành SXKD, Báo cáo định kỳ về tình hình thực hiện SXKD, tình hình tài chính của Công ty trong các cuộc họp của HĐQT.

+ Giám đốc đã thực hiện đúng quy định về thực hiện các chế độ: BHXH, BHYT, BHTN, bảo hộ lao động, quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần cũng như mọi chế độ khác như thi nâng bậc, xét nâng lương, thăm hỏi động viên kịp thời..v...v... cho người lao động. Tuy nhiên, trong bối cảnh kinh doanh còn gặp nhiều khó khăn, đấu thầu cạnh tranh gay gắt đơn giá trúng thầu thấp... dịch bệnh liên tục thường xuyên làm ảnh hưởng đến kết quả SXKD cho nên trong năm 2021 Công ty không hoàn thành kế hoạch lợi nhuận mà ĐHCĐ đã giao trong năm 2021. Nhưng năm 2021 công tác tìm kiếm công ăn việc làm đảm bảo cho người lao động (đạt trên 81% kế hoạch), đặc biệt đảm bảo thu nhập cho người lao động năm sau cao hơn năm trước (Thu nhập BQ người lao động năm 2020: 9.060.000 đồng/người/tháng; năm 2021: 11.806.000 đồng/người/tháng. Tăng 30% so với năm 2020 điều này thể hiện mức sống của người lao động ngày được tăng lên, từ đó giữ chân được người lao động.

+ Giám đốc đã chỉ đạo thực hiện triển khai đầy đủ kịp thời các nghị quyết và quyết định của HĐQT đã đề ra như: Cải tạo văn phòng làm việc, san sửa mặt bằng trong khu vực Công ty để cho thuê nhằm tăng thêm thu nhập, đầu tư thiết bị, dụng cụ thi công để đáp ứng nhu cầu SXKD trong giai đoạn mới và đầu tư mua mới xe con để phục vụ SXKD.

+ HĐQT đánh giá cao năng lực điều hành của Giám đốc trong việc thực hiện sắp xếp bố trí nguồn nhân lực, củng cố năng lực đấu thầu, mở rộng thị trường và chủ động trong mọi công tác thi công.

9. Trong năm 2021 HĐQT chưa kiểm tra thường xuyên để chỉ đạo Giám đốc, Ban điều hành trong quá trình thực hiện nhiệm vụ và kế hoạch đặt ra để điều chỉnh kịp thời.

10. Trong năm 2021 HĐQT chưa thực hiện thành công phát hành cổ phiếu tăng vốn Điều lệ theo tỷ lệ 1:1 với kết quả này làm ảnh hưởng đến quá trình SXKD đó là thiếu vốn lưu động làm Công ty một phần bị động về vốn.

III. Một số chỉ tiêu chính và kết quả thực hiện nghị quyết ĐHCĐ năm 2021

1. Các chỉ tiêu:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2021	Tỷ lệ TH 2021/KH 2021 (%)
1	Tổng doanh thu, thu nhập	Tr.đ	76.370	102.480	74,52
2	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	898	1.623	55,36
3	Tỷ lệ cổ tức /vốn Điều lệ (dự kiến)	%	7	8	87,50
4	Vốn Điều lệ	Tr.đ	10.280	20.560	50

2. Thực hiện chi trả thù lao HĐQT, BKS và thư ký Công ty năm 2021 với số tiền là: 179.966.667 đồng.

3. Thực hiện uỷ quyền của ĐHCĐ về việc giao HĐQT Công ty chọn Công ty TNHH Kiểm toán và HĐQT đã chọn Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (ICPA) để Kiểm toán báo cáo Tài chính 06 tháng và năm 2021 của Công ty.

PHẦN II:
KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT NĂM 2021

1. Chỉ đạo, quản trị hoạt động của Công ty thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022 do Đại hội đồng cổ đông đề ra, tăng cường công tác quản lý, tiếp tục nâng cao năng lực quản lý tài chính và các mặt quản lý khác để đảm bảo tài chính Công ty an toàn, hiệu quả.
2. Chỉ đạo việc công bố thông tin doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.
3. Sửa đổi bổ sung Điều lệ, các Quy chế đã ban hành để phù hợp với quá trình hoạt động SXKD của Công ty và quy định của nhà nước hiện hành.
4. Thực hiện các chức năng quản trị, giám sát bộ máy quản lý và điều hành hoạt động Công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty và các quy chế khác,
5. Chỉ đạo Ban điều hành thực hiện khen thưởng kịp thời những tập thể, cá nhân mang lại lợi ích cho Công ty, đồng thời cũng chỉ đạo Giám đốc chấn chỉnh thay thế những cán bộ, cá nhân yếu kém không hoàn thành nhiệm vụ được phân công và bố trí sắp xếp cơ cấu lao động trong từng tổ SX để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ thi công ngày các phát triển cả chiều rộng và chiều sâu.
6. Nghiên cứu xem xét để đầu tư mở rộng thêm ngành nghề để Công ty ngày càng phát triển bền vững.
7. Trên cơ sở Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua lập phương án đầu tư xây dựng 01 nhà xưởng tại khu đất của Công ty theo hướng đầu tư kho bãi cho thuê kết hợp làm kho của Công ty.
8. Trên cơ sở NQ được ĐHĐCĐ thông qua, tiến hành lập phương án trình các cơ quan có thẩm quyền về phát hành cổ phiếu tăng vốn Điều lệ theo tỷ lệ 1:1;
9. Mở rộng quan hệ tín dụng với một số Ngân hàng khác để đảm bảo đủ vốn phục vụ SXKD của Công ty.
10. Một số chỉ tiêu chủ yếu về kế hoạch SXKD năm 2022

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Tỷ lệ KH 2022/TH 2021 (%)
1	Tổng doanh thu, thu nhập	Tr.đ	76.370	202,115	264,65
2	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	898	2.039	226,93
3	Tỷ lệ cổ tức /vốn Điều lệ trả bằng cổ phiếu (<i>dự kiến</i>)	%	7	8	114,29
4	Vốn Điều lệ	Tr.đ	10.280	20.560	200,00

Trên đây là một số nội dung chính về hoạt động của HĐQT năm 2021 và nhiệm vụ chủ yếu của trong năm 2022 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty CP Xây dựng điện VNECO4.

Kính chúc quý vị mạnh khỏe, hạnh phúc, thành đạt.
Chúc Đại hội thành công tốt đẹp.
Xin trân trọng cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH 



Trần Văn Huy

TỔNG CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM
CÔNG TY CPXD ĐIỆN VNECO4

197- Đ. Nguyễn Trường Tộ - P. Đông Vĩnh - T.P Vinh - T. Nghệ An
Tel: (0238) 3531065; Fax: (0238) 3853433; Website: vneco4.com.vn

BÁO CÁO

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2021
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

- Căn cứ vào kết quả SXKD năm 2021, số liệu đã được Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (ICPA) kiểm toán đã được Ban kiểm soát Công ty kiểm tra.
- Căn cứ Điều lệ của Công ty đã được thông qua tại ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 02 năm 2011 đã được sửa đổi bổ sung thông qua ĐHĐCĐ thường niên năm 2018, ban hành ngày 27 tháng 04 năm 2018
- Căn cứ biên bản họp HĐQT ngày 24 tháng 02 năm 2022
- Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán, phân phối lợi nhuận và chia cổ tức theo kết quả đạt được năm 2021 như sau:

I- PHẦN THỨ NHẤT

BÁO CÁO CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH
VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2021

A- Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu tài sản	Mã số	TM	Số cuối kỳ (31/12/2021)	Số đầu kỳ (01/01/2021)
A.TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		43.021.133.034	50.167.268.710
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	3.814.093.730	8.813.769.033
1. Tiền	111		3.814.093.730	4.742.158.171
2. Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi)	112			4.071.610.862
II Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	1.933.349.800	3.650.275.259
1. Chứng khoán kinh doanh	121		1.950.812.606	1.950.812.606
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(17.462.806)	(1.192.940.086)
3.Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			2.892.402.739
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		28.021.736.674	27.759.896.646
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	21.622.187.775	21.545.897.244
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	4.525.290.252	1.888.967.063
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	2.009.209.603	4.459.983.295
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(134.950.956)	(134.950.956)
IV. Hàng tồn kho	140		9.184.991.928	9.834.967.270
1. Hàng tồn kho	141	4.7	9.184.991.928	9.834.967.270

2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		66.960.902	108.360.502
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.8	66.960.902	108.360.502
2. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	153			
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		9.563.332.456	9.606.087.235
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
II. Tài sản cố định	220		6.856.956.814	2.220.038.196
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	6.856.956.814	2.220.038.196
- Nguyên giá	222		15.378.093.711	10.068.318.950
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.521.136.897)	(7.848.280.754)
2. Tài sản cố định vô hình	227			
III. Bất động sản đầu tư	230			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.174.000	3.800.864.084
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.10	1.174.000	3.800.864.084
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.380.952.381	2.380.952.381
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	4.2	2.380.952.381	2.380.952.381
VI. Tài sản dài hạn khác	260		324.249.261	1.204.232.574
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.8	324.249.261	1.204.232.574
2. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		52.584.465.490	59.773.355.945
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		37.017.873.232	45.032.793.653
I. Nợ ngắn hạn	310		35.486.334.585	44.537.453.337
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	5.218.722.828	13.964.060.690
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.12	7.938.387.374	12.136.088.082
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.13	557.035.317	344.265.385
4. Phải trả người lao động	314		5.490.586.139	4.606.538.872
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.14	1.929.334.183	5.599.927.138
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.15	2.980.557.889	2.261.832.109
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		9.784.919.120	3.800.190.833
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	4.17	426.247.042	579.313.884
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.160.544.693	1.245.236.344
II. Nợ dài hạn	330		1.531.538.647	495.340.316
1. Phải trả người bán dài hạn	331		520.000.000	
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	4.15	1.011.538.647	495.340.316
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		15.566.592.258	14.740.562.292
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		10.280.000.000	10.280.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	411a		10.280.000.000	10.280.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.916.544.618	3.916.544.618
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		289.106.293	275.689.905
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.080.941.347	268.327.769
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		182.462.884	
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		898.478.463	268.327.769
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		52.584.465.490	59.773.355.945

B- Kết quả kinh doanh năm 2021

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Năm 2021	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	75.586.027.129	40.736.153.212
2. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	289.606.696	772.451.293
3. Thu nhập khác	31	5.6	494.693.474	284.660.856
4. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế:	50		1.142.854.431	285.839.664
5. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.9	244.375.968	17.511.895
6. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		898.478.463	268.327.769
7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.18.5	638	191

II- PHÂN THỬ HAI
Phân phối lợi nhuận năm 2021 (dự kiến)

Đơn vị tính: đồng

TT	CHỈ TIÊU	GIÁ TRỊ
I	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: $I=1+2$	1.080.941.347
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2020 chưa phân phối	182.462.884
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2021	898.478.463
II	Dự kiến phân phối lợi nhuận sau thuế: $II=I+2$	1.080.941.351
I	Trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: $(I=a+b+c+d+e)$	361.341.351
a	Quỹ Đầu tư phát triển (0% lợi nhuận sau thuế)	
b	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (5% lợi nhuận sau thuế)	54.047.068
c	Quỹ Khen thưởng (12% lợi nhuận sau thuế)	134.343.667
d	Quỹ Phúc lợi (8% lợi nhuận sau thuế)	86.475.308
e	Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành (8% lợi nhuận sau thuế)	86.475.308
2	Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho các cổ đông 7%/vốn điều lệ (Dự kiến)	719.600.000
III	Lợi nhuận để lại: $III=I-II$	0

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét và quyết định!

TP Vinh, ngày 24 tháng 03 năm 2022

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Văn Huy

TỔNG CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM
CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO4

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Vinh, tháng 03 năm 2022



Vinh, ngày 23 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội khóa XIV thông qua tại Kỳ họp thứ 9 ngày 17/6/2020 và chính thức có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP xây dựng điện VNECO4;

Căn cứ nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 Công ty cổ phần xây dựng Điện VNECO4.

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế lập ngày 15 /03/2022 và kết quả các kỳ kiểm tra kiểm soát trên cơ sở các tài liệu liên quan đến quá trình hoạt động của Công ty năm 2021.

Ban kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2022 về kết quả kiểm tra, kiểm soát hoạt động Công ty năm 2021 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY

1. Nhân sự Ban kiểm soát đến ngày tiến hành Đại hội đồng cổ đông bao gồm:

- + Ông: Nguyễn Thế Hùng - Trưởng ban
- + Bà : Trần Thị Thu Lan - Thành viên
- + Ông: Võ Hồng Quân - Thành viên

2. Hoạt động Ban kiểm soát:

Trong năm 2021 BKS đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2021 trong việc quản lý, điều hành hoạt động SXKD của Công ty cụ thể:

- Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty.

- Tham gia các cuộc họp của HĐQT Công ty, giám sát kết quả triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT và Ban điều hành.

- Giám sát thực thi công bố thông tin của Công ty theo quy định của Luật chứng khoán, xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.

- Thẩm định các số liệu của Báo cáo tình hình kinh doanh, Báo cáo tài chính hàng năm và 6 tháng của Công ty đồng thời kết hợp với Công ty Kiểm toán xem xét ảnh hưởng của các sai sót trọng yếu kế toán và Báo cáo tài chính.

Trong quá trình thực thi nhiệm vụ, Ban kiểm soát đã được HĐQT, Giám đốc Công ty và các Phòng ban chức năng tạo điều kiện thuận lợi để BKS hoàn thành nhiệm vụ.

II. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC

1. Giám sát hoạt động quản trị của HĐQT và công tác điều hành của Ban Giám đốc năm 2021.

- Qua quá trình giám sát các hoạt động quản trị, điều hành của HĐQT và Giám đốc Công ty, Ban kiểm soát nhận thấy không có dấu hiệu bất thường nào trong công tác quản trị và điều hành Công ty.

- Báo cáo hoạt động của HĐQT, Giám đốc Công ty đã phản ánh đầy đủ các hoạt động quản trị cũng như chỉ đạo điều hành hoạt động của Công ty; Các văn bản, Nghị quyết của

000574674
CÔNG TY CP
XÂY DỰNG ĐIỆN
VNECO4
VINH-T.NG

HDQT phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Báo cáo nêu rõ những khó khăn tác động trong năm, những kết quả đạt được, những tồn tại chưa thực hiện được và đề ra giải pháp thực hiện trong năm 2021.

- Ban kiểm soát thống nhất với Báo cáo đánh giá hoạt động của HDQT, Giám đốc trong năm 2021 về các mặt hoạt động của Công ty.

2. Giám sát, kiểm tra thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021

- Kiểm tra thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021 thông qua.

- Kiểm tra thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021.

- Kiểm tra thực hiện chi trả thù lao HDQT, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021 thông qua.

Trong quá trình kiểm tra BKS nhận thấy: Năm 2021 là một năm khó khăn đối với cả nền kinh tế, tuy nhiên HDQT và Ban Giám đốc đã có nhiều biện pháp tích cực trong công tác đầu tư, tìm kiếm việc làm, các đơn vị Phòng, Ban đã có nhiều nỗ lực trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ, tăng trưởng doanh thu, đảm bảo việc làm, thu nhập và các quyền lợi khác cho người lao động.

3. Các hoạt động công tác khác:

Các quy trình hoạt động của Công ty đảm bảo tuân thủ theo pháp luật; các chế độ, quyền lợi của người lao động trong Công ty được thực hiện theo Luật lao động, Thỏa ước lao động của Công ty cụ thể :

- Thực hiện ký kết hợp đồng lao động thực hiện theo quy định của Bộ Luật lao động hiện hành.

- Tổ chức học an toàn lao động, khám sức khỏe định kỳ hàng năm, bố trí công việc phù hợp với sức khỏe từng công nhân lao động trực tiếp và trang bị BHLĐ đầy đủ.

- Thực hiện chi trả đầy đủ đúng quy định các chế độ BHXH, phúc lợi..., chi trả lương kịp thời và đầy đủ đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

III. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2021	TH năm 2021	S.sánh TH/KH năm 2021
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Tr.đồng	102.480	76.370	74,52%
2	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	1.623	898	55,36%
3	Thu nhập bình quân	Đ/ng/tháng	9.600.000	11.806.000	122,98%
4	Cổ tức /vốn Điều lệ (Dự kiến)	%	8	7	87,5%

IV THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Thẩm định báo cáo tài chính:

- Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số : 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính : Báo cáo tài chính năm 2021 được lập và trình bày theo đúng quy định các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, các quy định pháp lý có liên quan và đúng thời gian quy định.

- Hệ thống chứng từ kế toán, sổ kế toán được lập, ghi chép rõ ràng, đầy đủ, chính xác phản ánh trung thực và lưu trữ đúng quy định.

- Các báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế lập ngày 15/03/2022.
- Công tác báo cáo được công bố thông tin đúng quy định tới các tổ chức có liên quan.

Một số chỉ tiêu chính về kết quả kinh doanh:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020	Năm 2021	So sánh năm 2021/2020
1	Vốn điều lệ	Tr.đồng	10.280	10.280	100%
2	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Tr.đồng	41.793	76.370	182%
3	Tổng chi phí	Tr.đồng	41.508	75.227	180%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	268	898	335%
5	Tỷ suất LNST/VĐL	%	2,6	8,7	334%

2. Tình hình tài chính Công ty tại thời điểm 31/12/2021

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	So sánh năm 2021/ 2020
I. Tổng tài sản	59.773	52.584	87,9%
1. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	50.167	43.021	85,7%
2. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	9.606	9.563	99,5%
II. Tổng nguồn vốn	59.773	52.584	87,9%
1. Nợ phải trả ngắn hạn	44.537	35.486	79,6%
2. Nợ phải trả dài hạn	495	1.531	3.009%
3. Vốn chủ sở hữu	14.740	15.566	105,6%

- Năm 2021 Công ty thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế, Bảo hiểm xã hội.
- Sau khi xem xét, thẩm tra, Ban kiểm soát đồng ý với Báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế lập ngày 15/03/2022 về Báo cáo tài chính của công ty kết thúc vào ngày 31/12/2021.

V. CÔNG TÁC TIẾP NHẬN VÀ GIẢI QUYẾT ĐƠN THƯ KHIẾU NẠI:

Năm 2021 Ban kiểm soát không tiếp nhận một khiếu nại nào liên quan đến công tác quản lý điều hành của Công ty đến quyền lợi của cổ đông và người lao động, kể cả đơn thư đề nghị, kiến nghị thay đổi phương pháp quản lý, điều hành hoạt động của Ban kiểm soát từ phía cổ đông và người lao động.

VI. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2022 CỦA BAN KIỂM SOÁT:

- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của Ban kiểm soát quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- Thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát liên quan đến các mặt hoạt động kinh doanh, tài chính và đầu tư của Công ty.
- Giám sát HĐQT và Ban điều hành thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022.
- Thực hiện các công tác khác theo chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

VII. MỘT SỐ ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ:

Qua xem xét đánh giá các hoạt động của Công ty trong năm 2021, để nâng cao hoạt động của Công ty trong thời gian tới, Ban kiểm soát có một số kiến nghị như sau:

1. Tiếp tục duy trì và phát huy công tác đấu thầu tìm kiếm việc làm, đổi mới phương thức quản lý để đáp ứng được yêu cầu tăng trưởng nhanh và bền vững.
2. Tích cực thu hồi công nợ, đảm bảo đủ vốn cho quá trình thi công.
3. Tăng cường công tác quản lý để đảm bảo hiệu quả, có cơ cấu hợp lý cho cổ đông.
4. Tăng cường nhân lực về cán bộ để đáp ứng yêu cầu sản xuất - kinh doanh.

Trên đây là những nội dung báo cáo thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát năm 2021, kính trình Đại hội đồng cổ đông năm 2022 xem xét và thông qua.

T.M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Nguyễn Thế Hùng



Vinh, ngày 24 tháng 03 năm 2022

TỜ TRÌNH

(Đề xuất chọn đơn vị kiểm toán độc lập soát xét Báo cáo tài chính
6 tháng đầu năm 2022 và kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty năm 2022)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CP Xây dựng điện VNECO4

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/2014 được Quốc hội khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ 9 ngày 17 tháng 06 năm 2020 có hiệu lực ngày 01/01/2021;

- Căn cứ Điều lệ Công ty CP XD điện VNECO4 được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 24/02/2011 đã được sửa đổi bổ sung thông qua ĐHĐCĐ thường niên năm 2018, ban hành ngày 27 tháng 4 năm 2018.

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 uỷ quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong các đơn vị kiểm toán độc lập có tên sau để thực hiện soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2022 và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty:

1. Công ty TNHH kiểm toán và dịch vụ tin học Thành Phố Hồ Chí Minh tại Đà Nẵng.
2. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam - Chi nhánh miền Trung
3. Công ty TNHH kiểm toán quốc tế.
4. Công ty TNHH kiểm toán thẩm định giá và tư vấn ECOVIS AFA Việt Nam

Các đơn vị kiểm toán nêu trên có đầy đủ năng lực, uy tín và kinh nghiệm, có cấp phép hoạt động hành nghề hợp pháp và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các Công ty đại chúng niêm yết.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên xem xét, quyết định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HĐQT, VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Văn Huy

TP Vinh, ngày 24 tháng 03 năm 2022

TỜ TRÌNH

(Về mức thù lao của thành viên HĐQT,
Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2022)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CP Xây dựng điện VNECO4

1. Năm 2021, Hội đồng quản trị Công ty có 05 thành viên, Ban kiểm soát có 03 thành viên, 01 Thư ký Công ty. Thù lao trả cho HĐQT, BKS và Thư ký Công ty đã chi 179.966.667 đồng:

Trong đó:

- + Mức thù lao Chủ tịch HĐQT: 3.000.000 đồng/tháng;
- + Mức thù lao thành viên HĐQT: 2.000.000 đồng/tháng/người
- + Mức thù lao Trưởng BKS chuyên trách: 3.000.000 đồng/tháng
- + Mức thù lao thành viên BKS : 1.000.000 đồng/tháng/người
- + Mức thù lao Thư ký Công ty: 800.000 đồng/tháng

2. Năm 2022 Hội đồng quản trị đề xuất Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn mức thù lao đối với HĐQT, BKS và thư ký Công ty như sau:

- + Mức thù lao Chủ tịch HĐQT: 3.000.000 đồng/tháng;
- + Mức thù lao thành viên HĐQT: 2.000.000 đồng/tháng/người
- + Mức thù lao Trưởng BKS : 2.000.000 đồng/tháng
- + Mức thù lao thành viên BKS : 1.000.000 đồng/tháng/người
- + Mức thù lao Thư ký Công ty: 800.000 đồng/tháng

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HĐQT, VT.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Văn Huy

TP Vinh ngày 24 tháng 03 năm 2022

TỜ TRÌNH

(V/v Phương án phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ Năm 2022)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CPXD điện VNECO4

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 của Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty CPXD điện VNECO4.
- Căn cứ theo Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty năm 2022 và các năm tiếp theo.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thống nhất và đồng ý thông qua tăng vốn điều lệ của Công ty từ 10.280.000.000 đồng lên tối đa 21.279.600.000 đồng, cụ thể như sau:

- Vốn điều lệ trước phát hành : 10.280.000.000 đồng
- Số lượng cổ phần trước phát hành : 1.028.000 CP
- Số lượng cổ phiếu quỹ : 0 CP
- Số lượng cổ phần lưu hành trước phát hành : 1.028.000 CP
- Loại chứng khoán chào bán : Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá : 10.000 đồng/Cổ phần
- Số lượng cổ phần dự kiến phát hành thêm : 1.099.960 cổ phần

Trong đó:

- + Chào bán cho cổ đông hiện hữu : 1.028.000 cổ phần
- + Phát hành để trả cổ tức (7%/VĐL) : 71.960 cổ phần
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá : 10.999.600.000 đồng
- Thời gian phát hành dự kiến : Năm 2022
- Vốn điều lệ dự kiến sau phát hành : 21.279.600.000 đồng
- Số lượng cổ phần dự kiến sau phát hành : 2.127.960 cổ phần

(Đính kèm Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ chi tiết)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: HĐQT, VT/BKS.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



TRẦN VĂN HUY

Vinh, ngày 24 tháng 03 năm 2022

PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

(Kèm theo tờ trình số.../TTr-VNECO4-HĐQT ngày 24 tháng 03 năm 2022 của HĐQT)

I. MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH VÀ SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC TĂNG VỐN

1.1- Đặc điểm tình hình hiện tại của Công ty:

Vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm 31/12/2021 là: 15,536 tỷ đồng bằng 29,5% tổng tài sản của Công ty ghi trên Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán. Trong đó vốn Điều lệ chỉ có 10,280 tỷ đồng, trong khi đó doanh thu kế hoạch của năm 2022 là 201 tỷ đồng, các năm sau kế hoạch đặt ra tăng hơn so với năm trước liền kề là 10-12% kể từ 2022 đến 2025. Do đó để đáp ứng vốn phục vụ SXKD hàng năm phải vay các tổ chức tín dụng ngày càng tăng.

Từ năm 2022 về sau, để phát huy tiềm năng trong khuôn viên diện tích của công ty hơn 12.000 m², Công ty có kế hoạch đầu tư, nhà xưởng...

1.2- Mục đích phát hành và sự cần thiết tăng vốn điều lệ:

a. Mục đích:

- Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ nhằm thu hút thêm vốn từ bên ngoài và tận dụng thế mạnh của các nhà đầu tư.
- Tăng vốn Điều lệ giúp Công ty nâng cao khả năng tài chính, tăng quy mô vốn, từ đó làm năng lực tài chính được cải thiện, giảm áp lực từ nguồn vốn vay tín dụng và chủ động một phần tài chính phục vụ cho hoạt động SXKD của Công ty.
- Có vốn để đầu tư thêm Thiết bị, Công cụ dụng cụ mới để phục vụ SXKD.
- Tăng quy mô hoạt động và khả năng cạnh tranh đảm bảo sự phát triển bền vững và ổn định lâu dài của Công ty.

b. Sự cần thiết phát hành cổ phiếu tăng vốn Điều lệ:

- Năm 2022 kế hoạch doanh thu của Công ty: 201 tỷ đồng, để đảm bảo đủ vốn phục vụ thi công đạt được doanh thu đó phải cần vốn tối thiểu 35% doanh thu ($201 \text{ tỷ} \times 35\% = 70,35 \text{ tỷ đồng}$).
- Vốn lưu động hiện có của Công ty (Tại thời điểm 31/12/2021) đã được kiểm toán là:
 $\text{Vốn lưu động (VLD)} = \text{Tài sản ngắn hạn} - \text{Nợ phải trả ngắn hạn} = 43 \text{ tỷ} - 37 \text{ tỷ} = 6 \text{ tỷ}$
- Vốn chủ sở hữu (tại thời điểm 31/12/2021) là 15,65 tỷ
- Vốn vay Ngân hàng tại 31/12/2021 là : 13 tỷ.

Như vậy, đầu năm 2022 số vốn phục vụ cho SXKD là: $6 \text{ tỷ} + 15,6 \text{ tỷ} + 13 \text{ tỷ} = 34,6 \text{ tỷ}$ so với nhu cầu vốn 70,35 tỷ thì còn thiếu vốn 35,75 tỷ ($70,35 \text{ tỷ đồng} - 34,6 \text{ tỷ đồng} = 35,75 \text{ tỷ}$). Vậy để đảm bảo đủ vốn phục vụ cho SXKD đạt 201 tỷ doanh thu, nhu cầu tăng thêm vốn 35,75 tỷ. Muốn vậy, tất yếu phải phát hành cổ phiếu tăng vốn Điều lệ theo tỷ lệ 1:1 để vốn Điều lệ tăng thêm: 10,28 tỷ đồng. Số vốn còn thiếu 25,47 tỷ đồng ($35,75 \text{ tỷ đồng} - 10,28 \text{ tỷ đồng}$), để có đủ phần thiếu vốn này, Công ty tiếp tục huy động các nguồn vốn vay và mở rộng tín dụng với các Ngân hàng khác.

II. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH

1. Kế hoạch phát hành cổ phiếu để tăng vốn Điều lệ:

- 1.1. Tên cổ phiếu : Cổ phần Công ty CP XD điện VNECO4.
- 1.2. Mã chứng khoán : VE4

- 1.3. Sàn giao dịch : HNX
- 1.4. Loại chứng khoán : Cổ phiếu phổ thông.
- 1.5. Mệnh giá : 10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phiếu.
- 1.6. Số lượng cổ phần đang lưu hành : 1.028.000 cổ phiếu
- 1.7. Tổng số lượng cổ phần dự kiến chào bán : 1.099.960 Cổ phần.

Trong đó:

- + Chào bán cho cổ đông hiện hữu : 1.028.000 cổ phần
- + Phát hành để trả cổ tức (7%/VĐL) : 71.960 cổ phần
- 1.8. Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá : 10.999.600.000 đồng
- 1.9. Thời gian phát hành dự kiến : Năm 2022, ngay sau khi được ĐHĐCĐ thông qua và sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng theo quy định.
- 1.10. Vốn điều lệ dự kiến sau phát hành : 21.279.600.000 đồng
- 1.11. Số lượng cổ phần dự kiến sau phát hành : 2.127.960 cổ phần.

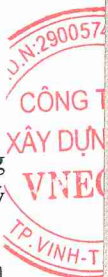
2. Kế hoạch tăng cụ thể:

2.1. Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021:

- 2.1.1. Số lượng cổ phần đang lưu hành tại thời điểm phát hành: 1.028.000 cổ phần.
- 2.1.2. Hình thức phát hành: Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021.
- 2.1.3. Tỷ lệ phát hành: 7%/Vốn Điều lệ.
- 2.1.4. Tỷ lệ thực hiện quyền: 7%, tương ứng với tỷ lệ thực hiện quyền 100:7
(Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 100 cổ phần sẽ được nhận cổ tức là 07 cổ phần mới phát hành thêm theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị)
- 2.1.5. Số lượng cổ phần dự kiến phát hành: 71.960 cổ phần.
- 2.1.6. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- 2.1.7. Tổng giá trị phát hành theo dự kiến: 719.600.000 đồng.
- 2.1.8. Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng chốt Danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu thêm do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp theo quy định.
- 2.1.9. Nguồn vốn để trả cổ tức bằng cổ phiếu: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến ngày 31/12/2021 trên Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán.
- 2.1.10. Phương án xử lý cổ phần lẻ: Số cổ phiếu phát hành thêm trả cổ tức bằng cổ phiếu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị để đảm bảo tổng số lượng cổ phiếu phân phối không vượt quá tổng số lượng phát hành, số cổ phiếu lẻ hàng thập phân (nếu có) sẽ bị hủy bỏ không thực hiện và số vốn điều lệ mới được đăng ký trên sổ cổ phần thực tế phân phối được.
Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông X đang sở hữu phần 1.039 cổ phần sẽ nhận được số cổ phần mới phát hành thêm tương ứng $1.039 \times 7\% = 72,73$ cổ phần. Theo nguyên tắc đó, cổ đông X được nhận 72 cổ phiếu, phần cổ phiếu lẻ dưới 1 cổ phiếu là 0,73 cổ phiếu sẽ bị hủy bỏ.
- 2.1.11. Hạn chế chuyển nhượng: Cổ phiếu phát hành mới không bị hạn chế chuyển nhượng.
- 2.1.12. Đơn vị tư vấn: Đại hội đồng cổ đông thường niên ủy quyền cho Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) lựa chọn và quyết định.
- 2.1.13. Thời gian phát hành: Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho (“HĐQT”) quyết định sau khi Đại hội đồng cổ đông thông qua và được sự chấp thuận của các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

2.2. Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn Điều lệ:

- 2.2.1. Số lượng cổ phần lưu hành tại thời điểm phát hành: 1.028.000 cổ phần.
- 2.2.2. Số lượng cổ phần dự kiến phát hành: 10.028.000 cổ phiếu.
- 2.2.3. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.
- 2.2.4. Tổng giá trị dự kiến phát hành theo mệnh giá: 10.028.000.000 đồng.
- 2.2.5. Giá chào bán Cao hơn mệnh giá 10.000đ/cổ phiếu. Mức giá cụ thể ĐHĐCĐ ủy quyền cho (“HĐQT”) quyết định và đúng theo quy định hiện hành của Luật Chứng khoán.
- 2.2.6. Thời gian dự kiến chào bán: Sau khi thực hiện xong các thủ tục nội bộ theo quy định của pháp luật được ĐHĐCĐ thông qua và việc chào bán cổ phiếu sẽ được tiến hành sau khi nhận được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Dự kiến hoàn thành trong năm 2022, thời điểm cụ thể do (“HĐQT”) quyết định sau khi được sự chấp thuận của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.



- 2.2.7. Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông được hưởng quyền mua tại ngày chốt cổ danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phần theo quy định.
- 2.2.8. Tỷ lệ thực hiện quyền: 1:1 (Tại ngày chốt danh sách cổ đông hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được nhận 1 quyền mua, 1 quyền mua sẽ được quyền mua 1 cổ phiếu phát hành thêm).
- 2.2.9. Quy định về hạn chế chuyển nhượng: Cổ phiếu phát hành thêm không bị hạn chế chuyển nhượng. Số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh và cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký, không nộp tiền mua được chào bán cho đối tượng khác bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo quy định tại Khoản 2 Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.
- 2.2.10. Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho người khác trong thời gian quy định và chỉ chuyển nhượng một lần (không chuyển nhượng cho người thứ ba).
Ví dụ: cổ đông A sở hữu 500 cổ phiếu, sẽ được hưởng 500 quyền mua tương đương số cổ phiếu mới được mua là 500 cổ phiếu. Cổ đông A có thể chuyển nhượng 180 quyền mua cổ phiếu cho nhà đầu tư B tương đương được mua 180 cổ phiếu và chuyển nhượng 320 quyền mua cổ phiếu cho nhà đầu tư C tương đương được mua 320 cổ phiếu. Nhà đầu tư B và nhà đầu tư C không được phép chuyển nhượng tiếp quyền mua cổ phiếu từ cổ đông A cho bất kỳ người nào khác.
Trường hợp chuyển nhượng quyền mua của các cổ đông dẫn đến tỷ lệ sở hữu của bên nhận chuyển nhượng vượt quá quy định về chào mua công khai thì ĐHĐCĐ thông qua việc nhận chuyển nhượng quyền mua và mua cổ phần của đợt chào bán này không phải thực hiện chào mua công khai cổ phiếu. Các đối tượng nhận chuyển nhượng quyền mua phải công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu theo quy định liên quan.
- 2.2.11. Phương án làm tròn cổ phiếu và xử lý cổ phiếu lẻ, cổ phiếu không đặt mua hết (nếu có):
- + Phương án làm tròn cổ phiếu: Số cổ phiếu mỗi cổ đông được quyền mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần cổ phiếu lẻ thập phân (nếu có) sẽ được làm tròn xuống thành 0 cổ phiếu.
 - + Phương án xử lý cổ phiếu lẻ, cổ phiếu không đặt mua hết (nếu có): Cổ phiếu lẻ phát sinh do việc làm tròn đến hàng đơn vị và cổ phiếu không bán hết do hết thời hạn đăng ký mua cổ phiếu dành cho cổ đông hiện hữu mà cổ đông hiện hữu không thực hiện đăng ký mua sẽ được ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định phân phối cho các đối tượng khác với giá chào bán không thấp hơn mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu. Số cổ phiếu không phân phối hết khi phân phối tiếp sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.
 - + Trong trường hợp cổ đông mua cổ phiếu còn dư dẫn đến tỷ lệ sở hữu vượt quá quy định về chào mua công khai thì ĐHĐCĐ thông qua việc mua cổ phiếu còn dư của đợt chào bán này không phải thực hiện chào mua công khai cổ phiếu. Cổ đông mua cổ phiếu còn dư phải công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu theo quy định liên quan.
 - + Việc xử lý cổ phiếu còn dư đảm bảo phù hợp theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và đảm bảo các điều kiện khác theo quy định tại Khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp và các quy định khác liên quan của pháp luật hiện hành.
 - + Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian gia hạn (nếu có)), nếu vẫn còn cổ phiếu chưa phân phối hết thì số cổ phiếu chưa phân phối hết này được hủy và Hội đồng quản trị ra quyết định kết thúc đợt phát hành.

III. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

1- Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phần nêu trên của Công ty dự kiến nêu trên sẽ được dùng để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh. Tiến độ sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ căn cứ vào tình hình thị trường và nhu cầu vốn của Công ty để thanh toán, chi trả mua vật tư, thiết bị lắp dựng tại các công trình, tiền lương, nhân công thuê ngoài.....cho các nhà cung cấp và các đơn vị thi công các công trình.

2- Nhu cầu vốn tối thiểu cần thu từ đợt chào bán: Toàn bộ giá trị đợt chào bán này bổ sung vào vốn lưu động để phục vụ cho nhu cầu SXKD của Công ty. Trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán theo quy định, Công ty không chào bán hết số cổ phiếu như đăng ký, số tiền thu được từ đợt phát hành không đủ theo đúng dự kiến. Để đảm bảo nhu cầu vốn cho mục đích hoạt động kinh doanh của Công ty, Hội đồng Quản trị Công ty xúc tiến thực hiện việc xin gia hạn đợt chào bán để tiếp tục chào bán nốt số cổ phiếu còn lại. Bên cạnh đó, Công ty sẽ ký kết một số hợp đồng tín dụng với một số ngân hàng nhằm đảm bảo nguồn vốn để kinh doanh.

Tùy thuộc vào kết quả đợt phát hành và thị trường, Công ty sẽ thực hiện vay vốn để đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh.

3- Ủy quyền cho (“HĐQT”) lập, phân bổ chi tiết phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán, lập kế hoạch sử dụng tiền thu được từ đợt phát hành theo chủ trương của ĐHĐCĐ; chủ động việc điều chỉnh phân bổ, sử dụng nguồn vốn huy động được cho các hoạt động SXKD của Công ty. Tùy thuộc vào tình hình thực tế và các cơ hội thị trường trên cơ sở cân đối tiền thu được từ đợt phát hành để đảm bảo quyền lợi của cổ đông và kế hoạch phát triển bền vững của Công ty.

IV. THÔNG QUA VIỆC ỦY QUYỀN

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho (“HĐQT”) quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, cụ thể:

1. Xây dựng phương án phát hành cổ phiếu chi tiết hoặc lựa chọn phương án phát hành thay thế (nếu cần thiết) sao cho việc huy động vốn của công ty được đảm bảo thành công và đúng quy định của pháp luật mà không cần xin ý kiến lại ĐHĐCĐ.
2. Thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật để thực hiện việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ, chuẩn bị hồ sơ phát hành xin ý kiến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN); Thực hiện phương án phát hành theo phương án được UBCKNN chấp thuận;
3. Lựa chọn thời điểm thích hợp, phù hợp với tình hình thực tế kinh doanh của Công ty để thực hiện các thủ tục liên quan tới việc tăng vốn Điều lệ sau khi có chấp thuận của Ủy ban chứng khoán nhà nước, đảm bảo tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật..
4. Quyết định thời điểm thích hợp để triển khai phương án phát hành, quyết định phương án xử lý trong trường hợp không huy động đủ nguồn vốn từ việc phát hành (nếu có) nhằm đảm bảo lợi ích cao nhất cho cổ đông và cho công ty .
5. Thực hiện thay đổi đăng ký doanh nghiệp của Công ty liên quan đến việc thay đổi vốn Điều lệ theo kết quả thực tế của đợt phát hành cổ phiếu với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
6. Thực hiện việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty liên quan đến việc thay đổi vốn Điều lệ của Công ty sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu theo kết quả thực tế của đợt phát hành.
7. Triển khai các thủ tục cần thiết để đăng ký lưu ký và đăng ký giao dịch cổ phiếu Công ty tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo quy định của pháp luật.
8. Các nội dung khác theo phương án phát hành này và tất cả các công việc khác có liên quan đến đợt phát hành cổ phiếu nhưng phải tuân thủ về thủ tục theo quy định của Nhà nước liên quan đến đợt phát hành cổ phiếu và đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông cũng như Công ty.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua, ủy quyền cho Hội đồng quản trị cân nhắc, lựa chọn đơn vị tư vấn và quyết định thời điểm phát hành, triển khai các thủ tục thực hiện phương án phát hành nêu trên trong thời gian thích hợp tùy thuộc vào tình hình thị trường và hoạt động kinh doanh của Công ty, đảm bảo lợi ích cổ đông, sự thành công của đợt phát hành và tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ của Công ty./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH 



TRẦN VĂN HUY

TP Vinh ngày 24 tháng 03 năm 2022

TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
(V/v: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Công ty)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CPXD điện VNECO4

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021

Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2021 có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2021 và thay thế Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Căn cứ tình hình thực tế hoạt động của Công ty CP xây dựng điện VNECO4.

Hội đồng quản trị (“**HĐQT**”) đã rà soát, xem xét điều chỉnh một số điều khoản trong Điều lệ Công ty, HĐQT, kính trình Đại hội đồng cổ đông (“**ĐHĐCĐ**”) xem xét và thông qua Điều lệ Công ty sau khi sửa đổi.

Các nội dung sửa đổi, bổ sung đối với Điều lệ của Công ty CP XD điện VNECO4 được quy định chi tiết đính kèm Tờ trình này.

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ xem xét, thông qua Điều lệ mới của Công ty CP XD điện VNECO4 bao gồm các điều khoản đã được sửa đổi, bổ sung. Điều lệ mới có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 04 năm 2022 và thay thế cho Điều lệ hiện tại ký ngày 27/04/2018. Giao Người đại diện theo pháp luật của Công ty CPXD điện VNECO4 tổ chức hoàn thiện, ký ban hành Điều lệ.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HĐQT, VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Văn Huy

**Các nội dung bổ sung sửa đổi Điều lệ Công ty CP Xây dựng điện VNECO4 trình
trước ĐHĐCĐ thường niên năm 2022**

TT	Điều, khoản	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ được sửa đổi bổ sung	Ghi chú
1	2	3	4	5
1	Điều 1	Giải thích thuật ngữ b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH3 26 tháng 11 năm 2014. c. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh doanh nghiệp lần đầu; e. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán; i. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;	Giải thích thuật ngữ b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp Số 59/2020/QH14 thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020. c. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu; e. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán; i. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019	Sửa đổi và bổ sung để phù hợp với thông tư 116/2020/TT-BTC và Điều lệ mẫu
2	Điều 2	4.....Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật được quy định theo điều 13, 14 của Luật Doanh nghiệp	4.....Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật được quy định theo điều 12,13 của Luật Doanh nghiệp	Thay đổi để phù hợp với luật DN 59/2020/QH 14
3	Điều 7:	2.Cổ phiếu.....phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.	2.Cổ phiếu..... phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật doanh nghiệp.	Thay đổi để phù hợp với luật DN số 59/2020/QH 14
4	Điều 10	Khoản 4.....Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp.	Khoản 4.....Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật doanh nghiệp.	Thay đổi để phù hợp với luật DN số 59/2020/QH 14
5	Điều 12	- Khoản 2 mục h : Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 của Luật Doanh nghiệp; - Khoản 2 mục b: Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 111 và Điều 136 Luật doanh nghiệp; -Khoản a mục 3:Đề cử các thành viên	-khoản 2 mục h: Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 của Luật Doanh nghiệp; -Khoản 2 mục b: Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật doanh nghiệp; -Khoản a mục 3:Đề cử các thành viên Hội	Thay đổi và bổ sung để phù hợp với luật DN số 59/2020/QH 14 và Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

29005
CÔNG
ẢY D
VNB
VINH-

	Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Điều 26.2 và Điều 37.3; - Khoản 3 mục b: Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp - Khoản 3 mục e: Các quyền khác và được quy định tại Điều lệ này. -	đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Điều 26.1; 26.2 và Điều 37.1; 37.2 - Khoản 3 mục b: Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật doanh nghiệp - Khoản 3 mục e: Các quyền khác theo quy định của pháp luật và được quy định tại Điều lệ này. f- Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là (03 ngày) làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp; - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau: a- Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông. b- Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.	
--	---	---	--

6	Điều 14	<u>Khoản 2 mục e:</u> các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình; <u>Khoản 4 mục b:</u>.....<u>Khoản 5 Điều 136</u> Luật Doanh nghiệp. <u>Khoản 4 mục c:</u>....., Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.	Khoản 1:Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. <u>Khoản 2 mục e:</u> các nghĩa vụ của họ theo 165 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình; <u>Khoản 4 mục b:</u>.....<u>Khoản 3 Điều 140</u> Luật Doanh nghiệp. <u>Khoản 4 mục c:</u>....., Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp	<i>Bổ sung và sửa đổi để phù hợp với luật DN số 59/2020/QH 14 và Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT -BTC</i>
7	Điều 16	<u>Khoản 2 mục c:</u> Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.	<u>Khoản 2 mục c:</u> Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp. Trường hợp uỷ quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản uỷ quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).	<i>Bổ sung để phù hợp với luật DN số 59/2020/QH 14 và Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT -BTC</i>
8	Điều 18	<u>Khoản 6 Điều 18:</u> Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.	<u>Khoản 6 Điều 18:</u> Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.	<i>Bổ sung để phù hợp với luật DN số 59/2020/QH 14 và Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT -BTC</i>
9	Điều 20	<u>Khoản 7 Điều 20:</u> Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp,	<u>Khoản 7 Điều 20:</u> Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều 146 Luật doanh nghiệp,	<i>Sửa đổi để phù hợp với luật DN số 59/2020/QH 14 và Điều lệ mẫu theo Thông tư 116</i>

10	Điều 21	<u>Khoản 2 Điều 21:</u> Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp và các thủ tục được quy định tại điều lệ này.	<u>Khoản 2 Điều 21:</u> Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp và các thủ tục được quy định tại điều lệ này.	Sửa đổi để phù hợp với luật DN số 59/2020/QH 14 và Điều lệ mẫu theo Thông tư 116
11	Điều 26	<u>Khoản 1 Điều 26:</u> Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là bảy (07) người. <u>Khoản 3 Điều 126:</u> Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu được quy định tại Điều 144.3.c Luật Doanh nghiệp,	<u>Khoản 1 Điều 26:</u> Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người . <u>Khoản 3 Điều 126:</u> Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu được quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp,	Sửa đổi để phù hợp với luật DN số 59/2020/QH 14. Điều lệ mẫu theo Thông tư 116 và tình hình thực tế Công ty
12	Điều 31	Quyền hạn của Giám đốc	Quyền hạn của Giám đốc Khoản 3 mục j: Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.	Bổ sung để phù hợp với luật DN số 59/2020/QH 14 và Điều lệ mẫu theo Thông tư 116
13	Điều 37	<u>Khoản 1 Điều 37:</u> Số lượng thành viên Ban kiểm phải có từ ba đến năm thành viên. Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp <u>Khoản 3 Điều 37:</u> Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu theo phương thức dồn phiếu quy định tại điểm c, khoản 3, Điều 144 Luật Doanh Nghiệp,	<u>Khoản 1 Điều 37:</u> Số lượng thành viên Ban kiểm phải c ba 03 thành viên. Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 169 Luật doanh nghiệp <u>Khoản 3 Điều 37:</u> Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu theo phương thức dồn phiếu quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh Nghiệp,	Sửa đổi, Bổ sung để phù hợp với luật DN số 59/2020/QH 14, Điều lệ mẫu theo Thông tư 116 và tình hình thực tế Công ty
14	Điều 38	<u>Khoản 1:</u> Kiểm soát viên có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp	<u>Khoản 1:</u> Kiểm soát viên có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật doanh nghiệp	

Ghi chú:

1. Phần chữ và số bôi đậm có gạch chân ở cột 3 là cần thay thế, bổ sung và sửa đổi
2. Phần chữ và số bôi đậm có gạch chân ở cột 4 là đã được thay thế, bổ sung và sửa đổi

TỔNG CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO4



(Dự thảo)

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO4

Tháng 04/2022

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	4
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	4
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY.....	4
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty, người đại diện pháp luật của Công ty.	4
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	5
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty	5
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	5
IV. QUYỀN, NGHĨA VỤ VÀ MỐI QUAN HỆ CỦA CÔNG TY VỚI CÔNG TY MẸ VÀ TỔ HỢP CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CON.....	6
Điều 5. Quyền, nghĩa vụ và mối quan hệ của Công ty trong tổ hợp Công ty mẹ- Công ty con	6
V. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	6
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	6
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	7
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	7
Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.	7
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	7
Điều 10. Thu hồi cổ phần	7
VI. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	8
Điều 11. Cơ cấu quản trị và kiểm soát	8
VII. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	8
Điều 12. Quyền của cổ đông	8
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	9
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông.....	10
Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 16. Đại diện ủy quyền.....	11
Điều 17. Thay đổi các quyền.....	12
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	12
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	17
VIII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	17
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	17
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.....	17
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	18
Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	20
Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	20
IX. GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	22
Điều 30. Tổ chức bộ máy quản lý.....	22
Điều 31. Người điều hành doanh nghiệp	22
Điều 32. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc	22
Điều 33. Thư ký Công ty.....	23
X. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	24
Điều 34. Trách nhiệm cẩn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cán bộ quản lý24	
Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	24
Điều 36. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	24
XI. BAN KIỂM SOÁT	25

Điều 37. Thành viên Ban kiểm soát.....	25
Điều 38. Ban kiểm soát	26
XII. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	26
Điều 39. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	26
XIII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	27
Điều 40. Công nhân viên và công đoàn	27
XIV. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	27
Điều 41. Phân phối lợi nhuận	27
XV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	28
Điều 42. Tài khoản ngân hàng	28
Điều 43. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	28
Điều 44. Năm tài chính	28
Điều 45. Hệ thống kế toán.....	28
XVI. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.	28
Điều 46. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý	28
Điều 47. Báo cáo thường niên	29
XVII. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	29
Điều 48. Kiểm toán.....	29
XVIII. CON DẤU.....	29
Điều 49. Con dấu.....	29
XIX. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	29
Điều 50. Chấm dứt hoạt động.....	29
Điều 51. Gia hạn hoạt động.....	29
Điều 52. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông	30
Điều 53. Thanh lý	30
XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	30
Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ	30
XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	31
Điều 55. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	31
XXII. NGÀY HIỆU LỰC	31
Điều 56. Ngày hiệu lực	31
Điều 57. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty:	31

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này của Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO4 (dưới đây gọi là “Công ty”) là cơ sở pháp lý cho toàn bộ hoạt động của Công ty - là một Công ty cổ phần được chuyển đổi sở hữu từ doanh nghiệp Nhà nước, tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

Điều lệ, các quy định của Công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều lệ này đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO4 thông qua theo Nghị quyết số NQ/VNECO4-ĐHĐCĐ ngày

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 của Điều lệ này.

Vốn có quyền biểu quyết là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

b. "*Luật Doanh nghiệp*" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số Số 59/2020/QH14 thông qua ngày (17) tháng 06 năm 2020.

c. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu; lần đầu

d. "Người điều hành doanh nghiệp" là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;

e. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán;

f. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;

g. *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam

h. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;

i. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty, người đại diện pháp luật của Công ty.

1. Tên Công ty

- Tên tiếng Việt: **Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO4**
- Tên tiếng Anh: **VNECO4 ELECTRICITY CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY**
- Tên giao dịch: **Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO4**
- Tên viết tắt: **VNECO4**

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Số 197 – Đ. Nguyễn Trường Tộ - P. Đông Vĩnh - Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An
- Điện thoại: 0238 3531065
- Fax: 0238 3853433
- E-mail: vneco4.vn
- Website: www.vneco4.com.vn

4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật là Giám đốc Công ty

Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật được quy định theo điều 12,13 của Luật Doanh nghiệp

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 50 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 51 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

6. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

- Xây dựng các công trình thủy điện, điện năng (đường dây và trạm biến áp điện thế đến 500 kv), xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng, công trình giao thông, thủy lợi, viễn thông, văn hóa, thể thao;.
- Thiết kế chế tạo kết cấu thép, các sản phẩm cơ khí;
- Sản xuất phụ kiện điện;
- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng và kinh doanh hàng tiêu dùng;
- Kinh doanh vận tải hàng hoá, vận tải hành khách đường bộ (theo hợp đồng);
- Kinh doanh vật tư thiết bị điện, thiết bị phương tiện vận tải, máy thi công ;.
- Kinh doanh đầu tư phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế mới.
- Cho thuê kho bãi.
- Sản xuất, mua bán điện .
- Kinh doanh dịch vụ du lịch, khách sạn nhà hàng .
- Tư vấn đầu tư, tư vấn xây dựng bao gồm lập và thẩm tra dự án đầu tư
- Ngoài các ngành nghề kinh doanh chính trên, trong quá trình hoạt động Công ty được quyền bổ sung thêm các ngành nghề kinh doanh khác không thuộc các ngành nghề bị pháp luật cấm mà Công ty thấy có lợi cho Công ty và các cổ đông.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty nhằm tối đa hoá lợi nhuận cho các cổ đông, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho người lao động, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh và bền vững.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. QUYỀN, NGHĨA VỤ VÀ MỐI QUAN HỆ CỦA CÔNG TY VỚI CÔNG TY MẸ VÀ TỔ HỢP CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CON

Điều 5. Quyền, nghĩa vụ và mối quan hệ của Công ty trong tổ hợp Công ty mẹ- Công ty con

Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO4 là Công ty con trong tổ hợp các doanh nghiệp Công ty mẹ- Công ty con của Tổng Công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam và có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ này và Pháp luật.

Các quan hệ kinh tế, giao dịch giữa Công ty với Công ty mẹ được thực hiện thông qua hợp đồng kinh tế. Hợp đồng, giao dịch và quan hệ khác giữa Công ty và Công ty mẹ đều được thiết lập và thực hiện độc lập, bình đẳng.

Với tư cách là Công ty con, Công ty có các quyền và nghĩa vụ chủ yếu sau:

- Định hướng phát triển, mục tiêu kinh doanh của Công ty phải phù hợp với định hướng chiến lược kinh doanh chung của tổ hợp công ty mẹ - công ty con;
- Thực hiện Phương án phối hợp kinh doanh của Công ty mẹ; Được tham gia các hình thức đầu tư với Công ty mẹ hoặc các doanh nghiệp khác trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con; được Công ty mẹ giao thầu về thi công xây dựng và các hoạt động khác trên cơ sở hợp đồng. Công ty chịu trách nhiệm thực hiện đúng các điều khoản quy định trong hợp đồng và hiệu quả các hoạt động kinh doanh phối hợp với Công ty mẹ;
- Phối hợp với Công ty mẹ về cung cấp thông tin, phát triển thị trường, các nghiên cứu ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ, công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ, công nhân viên;
- Trường hợp cần thiết, Công ty có thể nhận được sự bảo lãnh từ Công ty mẹ để thực hiện một số nhiệm vụ kinh doanh ngoài năng lực của mình;
- Chịu sự giám sát, kiểm tra của Công ty mẹ: về việc sử dụng vốn đầu tư của Công ty mẹ vào công ty thành viên, việc thực hiện các hợp đồng đã ký kết với Công ty mẹ;
- Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê theo yêu cầu của Công ty mẹ để lập báo cáo hợp nhất của cả tổ hợp Công ty mẹ- Công ty con;
- Đăng ký sử dụng thương hiệu, logo của Công ty mẹ theo quy định của Hội đồng quản trị Công ty mẹ và chịu trách nhiệm bảo vệ, xây dựng phát triển thương hiệu theo quy chế quản lý nội bộ của Công ty mẹ;
- Công ty hoàn toàn bình đẳng trong mối quan hệ với Công ty mẹ và doanh nghiệp khác trong tổ hợp Công ty mẹ- Công ty con;
- Công ty có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và của pháp luật.

V. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là: 10.280.000.000 đồng (Mười tỷ, hai trăm tám mươi triệu đồng) theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với quy định của pháp luật.

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 1.028.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ chỉ bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại Khoản 7 của Điều 7.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật doanh nghiệp. Mỗi chứng nhận cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.

4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng nhận cổ phiếu ghi danh, chứng nhận cũ sẽ bị huỷ bỏ và chứng nhận mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.

5. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu huỷ, người sở hữu cổ phiếu ghi danh đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

6. Người sở hữu chứng nhận cổ phiếu vô danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ và công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng nhận này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.

7. Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng nhận. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng nhận hoặc không chứng nhận) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng nhận và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó.

4. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

VI. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

- a. Đại hội đồng cổ đông;
- b. Hội đồng quản trị;
- c. Ban kiểm soát;
- d. Giám đốc;
- e. Người điều hành khác.

VII. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- a. Tham gia các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.
- b. Nhận cổ tức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
- d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
- e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
- f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;
- g. Trường hợp Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật; Khi công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty;
- h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 của Luật Doanh nghiệp;
- i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau:

a. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Điều 26.1; 26.2 và Điều 37.1; 37.2;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật doanh nghiệp;

c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông.

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và được quy định tại Điều lệ này.

f. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là [03 ngày] làm việc trước ngày khai mạc, [trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định thời hạn khác]. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ **[10%]** tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc [một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty] có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Trường hợp [Điều lệ công ty không có quy định khác] thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định; (Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua)

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;

5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá **06** tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa so với số đầu kỳ;

c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 12.3 của Điều lệ này; yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);

e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo 165 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn (30) ba mươi ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Khoản 3c Điều 14 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Khoản 3d và 3e Điều 14.

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4a Điều 14 trong thời hạn (30) ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4b Điều 14 thì trong thời hạn (30) ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3d Điều 14 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

d. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:

a. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;

b. Báo cáo của Ban kiểm soát;

c. Báo cáo của Hội đồng quản trị;

d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:

a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;

b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;

d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;

e. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc;

f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;

g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;

h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập;

i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;

l. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

m. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;

n. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 162.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

o. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty;

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Các hợp đồng quy định tại Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Đại diện ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

- a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 14.4b hoặc Điều 14.4c.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung họp;

c. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức cuộc họp;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán, trên website của công ty. Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể được đặt trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước ít nhất **mười** ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Trường hợp Công ty có website, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

c. Phiếu biểu quyết;

d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại **Điều 12.3** của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất (03) ba ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 của điều này trong các trường hợp sau:

a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng;

c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.

6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít **nhất 51%** cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp **đại diện cho ít nhất 33% cổ phần** có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành cuộc họp lần hai, và trong trường hợp này cuộc họp được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

4. Theo đề nghị Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 18.3 của Điều lệ này.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của ban kiểm phiếu không quá ba người.

3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

4. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì người được Đại hội đồng cổ đông bầu ra sẽ chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì đại hội, thành viên Hội đồng quản trị chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của Đại hội đồng cổ đông, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch hoặc Chủ tọa được Đại hội đồng cổ đông bầu ra đề cử một (hoặc nhiều) thư ký để lập biên bản đại hội. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.

5. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

6. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội, (b) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp hoặc (c) sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.

7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 146 Luật doanh nghiệp, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

8. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.

9. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia cuộc họp.

10. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:

- a. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) họp.

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm cuộc họp có thể:

a. Thông báo rằng cuộc họp sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ toạ cuộc họp sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của cuộc họp”);

b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự họp;

Thông báo về việc tổ chức họp không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của cuộc họp.

Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 của Điều 21, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ **51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết** có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

a. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;

b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty;

c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc.

2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp và các thủ tục được quy định tại điều lệ này.

3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất sẽ được thông qua khi có từ **65%** trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

4. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng quy định.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

- f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty;

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các quyết định đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời vòng mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;

8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

2. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định **trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.**

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty;

2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

VIII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b. Trình độ học vấn;

c. Trình độ chuyên môn;

d. Quá trình công tác;

e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;

f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;

g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);

h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);

i. Các thông tin khác (nếu có).

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

2. Các cổ đông nắm giữ ít hơn 5% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử

4. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
- b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
- c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
- d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
- e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu được quy định tại Điều Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

4. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

5. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc và các cán bộ quản lý khác.

3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- c. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có); Quyết định tiền lương và quyền lợi khác của Giám đốc và những người quản lý đó. Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia HĐQT/Hội đồng thành viên hoặc ĐHCĐ ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó.
- d. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người điều hành khác;
- e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;
- f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
- h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông ;

- i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
 - j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;
 - k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
 - l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
 - m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
 - n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
 - o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc;
 - p. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).
4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
 - b. Thành lập các công ty con của Công ty;
 - c. Trong phạm vi quy định tại **Điều 149.2** của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại trường hợp quy định tại khoản **2 Điều 135** và **Điều 162.3 Luật Doanh nghiệp** phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê mua công ty và liên doanh);
 - d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - f. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - g. Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - i. Việc công ty mua hoặc thu hồi không **quá 10%** mỗi loại cổ phần;
 - j. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
 - k. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.
5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.
6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.
7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.
8. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và số tiền thù lao cho từng thành viên phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.
9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc và không tính đến việc chức vụ đó có được nắm giữ trong một khuôn khổ mang tính chất điều hành hay không), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo

từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
4. Trường hợp cả Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn (10) mười ngày.

Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn (07) bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Các cuộc họp thường kỳ. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp (01) một lần.
3. Các cuộc họp bất thường. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
 - a. Ban kiểm soát;
 - b. Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
 - c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
 - e. Các trường hợp khác;
4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn (07) bảy ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 29 này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
6. Địa điểm họp. Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
7. Thông báo và chương trình họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất (03) ba ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

8. Số thành viên tham dự tối thiểu. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất (3/4) ba phần tư số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn (07) bảy ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, cuộc họp triệu tập lại được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 29, mỗi thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 29, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 35 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Biểu quyết đa số. Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.

14. Nghị quyết bằng văn bản. Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả những thành viên Hội đồng quản trị sau đây:

- a. Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;
- b. Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị.

Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.

15. Biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.

16. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

17. Giá trị pháp lý của hành động. Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

IX. GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 30. Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Giám đốc, một số Phó giám đốc và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Giám đốc và các Phó giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh trên phải được thông qua bằng nghị quyết HĐQT phù hợp Điều lệ và quy định Luật Doanh Nghiệp.

Điều 31. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, hoặc do HĐQT quyết định, Công ty được sử dụng số lượng và người điều hành cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Người điều hành phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc.

Điều 32. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Bổ nhiệm: Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Giám đốc phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ: Nhiệm kỳ của Giám đốc là năm (05) năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.

3. Quyền hạn và nhiệm vụ. **Giám đốc** có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;

d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

e. Chậm nhất vào ngày 30 tháng 11 hàng năm, Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm.

f. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;

g. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.

i. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Giám đốc và pháp luật.

j. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.

4. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông: Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

5. Bãi nhiệm: Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Giám đốc khi có từ hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Giám đốc nếu Giám đốc đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị) và bổ nhiệm một Giám đốc mới thay thế. Giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.

Điều 33. Thư ký Công ty

Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

a. Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

b. Làm biên bản các cuộc họp;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

X. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.

Điều 34. Trách nhiệm cẩn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành

Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng [hai mươi phần trăm(20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn [hai mươi phần trăm(20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 36. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm về thiệt hại. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, miễn cẩn và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

- a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
- b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. BAN KIỂM SOÁT

Điều 37. Thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có 03 thành viên. Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 169 Luật doanh nghiệp, điều lệ Công ty và không thuộc các trường hợp sau đây: Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác; Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty; Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ này. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty. Ban kiểm soát bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát;
- b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;
- c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.

2. Các cổ đông nắm giữ ít hơn 5% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

3. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu theo phương thức dồn phiếu quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh Nghiệp, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;
- b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 38. Ban kiểm soát

1. Kiểm soát viên có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

- a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;
- b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
- c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông;
- d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.
- f. Kiểm tra báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;
- g. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

XII. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 39. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Điều 12.2 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy

tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

- Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XIII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 40. Công nhân viên và công đoàn

Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIV. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 41. Phân phối lợi nhuận

1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.

3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.

6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.

7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày chốt danh sách này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

- Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 42. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 43. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ

Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật. Khoản trích này không được vượt quá **5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.**

Điều 44. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đó.

Điều 45. Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XVI. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.

Điều 46. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 48 của Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán (khi niêm yết) và cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.
3. Khi niêm yết, Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán.
4. Công ty phải công bố đầy đủ nội dung thông tin về báo cáo tài chính năm trên phương tiện công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán. Trường hợp công ty có website riêng, các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của công ty phải được công bố trên website đó.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 47. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVII. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 48. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định hoặc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn một công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết, tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.

2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.

5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

XVIII. CON DẤU

Điều 49. Con dấu

1. Hội đồng quản trị sẽ quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.

2. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XIX. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 50. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

- a. Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
- b. Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- c. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 51. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua

Điều 52. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông

Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới toà để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.
2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.
3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

Điều 53. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu tháng sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba thành viên. Hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
- c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
- d. Các khoản vay (nếu có);
- e. Các khoản nợ khác của Công ty;
- f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

- a. Cổ đông với Công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành khác.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Toà án.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà án sẽ do Toà phán quyết bên nào phải chịu.

XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 55. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty .

XXII. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 56. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm XXII chương 57 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO4 nhất trí thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số NQ/VNECO4-ĐHĐCĐ ngày tháng 04 năm 201.. và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này .
2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:
 - a. 01 bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương
 - b. 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố
 - c. 04 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

Điều 57. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty:

TP Vinh, ngày 26 tháng 04 năm 2022

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT
CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO4

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ điều lệ của Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO4 được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp thường niên năm 2018 ngày 27/04/2018;
- Căn cứ vào Biên bản họp số 01/2022/BB/ĐHĐCĐ-VNECO4 họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO4 được tiến hành vào ngày 26/04/2022.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021, Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA) với các chỉ tiêu như sau :

Tổng doanh thu, thu nhập:	76.370.327.299 đồng
Lợi nhuận sau thuế:	898.478.463 đồng

Điều 2: Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2021.

Điều 3: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021.

- Lợi nhuận sau thuế năm 2020 chưa phân phối :	182.462.884 đồng
- Lợi nhuận sau thuế năm 2021 :	898.478.463 đồng
- Trích lập các quỹ:	361.341.351 đồng
+ Quỹ đầu tư phát triển (0% lợi nhuận sau thuế):	0 đồng
+ Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (5% lợi nhuận sau thuế):	54.047.068 đồng
+ Quỹ khen thưởng (12% lợi nhuận sau thuế):	134.343.667 đồng
+ Quỹ phúc lợi (8% lợi nhuận sau thuế):	86.475.308 đồng
+ Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành (8% lợi nhuận sau thuế):	86.475.308 đồng
- Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho các cổ đông (7%/ vốn điều lệ):	719.600.000 đồng

Điều 4: Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 với các chỉ tiêu chính như sau:

- Tổng doanh thu, thu nhập:	202.115.000.000 đồng
- Lợi nhuận sau thuế:	2.039.000.000 đồng
- Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ:	8%

Điều 5: Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty.

Điều 6: Thông qua mức thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký công ty năm 2022 như sau:

- | | |
|---|----------------------------|
| - Mức thù lao Chủ tịch HĐQT: | 3.000.000 đồng/tháng |
| - Mức thù lao Thành viên HĐQT: | 2.000.000 đồng/tháng/người |
| - Mức thu nhập Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách: | 2.000.000 đồng/tháng |
| - Mức thù lao Thành viên Ban kiểm soát: | 1.000.000 đồng/tháng/người |
| - Mức thù lao Thư ký Công ty: | 800.000 đồng/tháng |

Điều 7: Thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2022.

Điều 8: Thông qua tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Công ty.

Điều 9: Điều khoản thi hành:

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua toàn văn tại cuộc họp và có hiệu lực kể từ ngày 26/04/2022. Các ông (bà) thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

**T.M ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO4
CHỦ TỌA**